

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2008

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Bùi Thị Bích Nguyệt**

**Giảng viên hướng dẫn : ThS Phạm Văn Tường**

**HẢI PHÒNG - 2014**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**ĐỀ TÀI: HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH  
THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HẢI GIANG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Bùi Thị Bích Nguyệt  
Giảng viên hướng dẫn : ThS Phạm Văn Tường**

**HẢI PHÒNG - 2014**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: **Bùi Thị Bích Nguyệt**

Mã SV: 1012401085

Lớp: QT1404K

Ngành: Kế toán - kiểm toán

Tên đề tài: **Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định  
kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hằng Giang.**

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Trình bày các cơ sở lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hằng Giang.

- Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện hơn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hằng Giang.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Quy chế, quy định về kế toán - tài chính tại doanh nghiệp.

- Hệ thống sổ kế toán liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hằng Giang, sử dụng số liệu năm 2013.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn Hằng Giang.

- Địa chỉ: Hợp Thành - Thủy Nguyên - Hải Phòng.

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

### Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Phạm Văn Tường.**

Học hàm, học vị: **Thạc sĩ.**

Cơ quan công tác: **Trường Đại học dân lập Hải Phòng.**

Nội dung hướng dẫn: **Khóa luận tốt nghiệp.**

### Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 03 năm 2014.

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 06 tháng 07 năm 2014.

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

*Hải Phòng, ngày ..... tháng ..... năm 2014*

***Hiệu trưởng***

***GS.TS.NGŨT Trần Hữu Nghị***

## **PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

### **1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

- Thái độ nghiêm túc, ham học hỏi, có nhiều cố gắng, nỗ lực trong quá trình nghiên cứu và làm đề tài tốt nghiệp. Trách nhiệm cao, chịu khó, có tinh thần cầu thị, khiêm tốn, nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu.

- Thường xuyên liên hệ với giáo viên hướng dẫn để trao đổi và xin ý kiến về các nội dung trong đề tài. Tiếp thu nhanh, vận dụng tốt lý thuyết với thực tiễn làm cho bài viết thêm sinh động

- Đảm bảo đúng tiến độ thời gian theo quy định của Nhà trường và Khoa trong quá trình làm tốt nghiệp

### **2 Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

- Khóa luận tốt nghiệp được chia thành ba chương có bố cục và kết cấu cân đối, hợp lý.

- Mục tiêu, nội dung và kết quả nghiên cứu rõ ràng. Tác giả đề tài đã nêu bật được các vấn đề cơ sở lý luận và thực tiễn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hằng Giang.

- Các giải pháp về hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh mà tác giả đề xuất có tính khả thi và có thể áp dụng được tại doanh nghiệp.

### **3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

- Điểm số: .....

- Điểm chữ:.....điểm.

*Hải Phòng, ngày 28 tháng 06 năm 2014*

**Cán bộ hướng dẫn**

**Ths. Phạm Văn Tường**

## MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b>	<b>1</b>
<b>Chương 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP</b>	<b>2</b>
<b>1.1. TỔNG QUAN VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP</b>	<b>2</b>
<b>1.1.1. Doanh thu</b>	<b>2</b>
1.1.1.1. Khái niệm	2
1.1.1.2. Các loại doanh thu	2
1.1.1.3. Nguyên tắc xác định doanh thu	3
1.1.1.4. Các khoản giảm trừ doanh thu	4
<b>1.1.2. Chi phí</b>	<b>5</b>
1.1.2.1. Khái niệm	5
1.1.2.2. Các loại chi phí	5
1.1.2.3. Nguyên tắc xác định chi phí	6
<b>1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh</b>	<b>6</b>
1.1.3.1. Khái niệm	6
1.1.3.2. Cách xác định kết quả kinh doanh	6
<b>1.2. SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH</b>	<b>7</b>
<b>1.2.1. Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh</b>	<b>7</b>
<b>1.2.2. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh</b>	<b>8</b>
1.2.2.1. Vai trò	8
1.2.2.2. Nhiệm vụ	8
<b>1.3. NỘI DUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH</b>	<b>9</b>
<b>1.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>9</b>
1.3.1.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng	9
1.3.1.2. Tài khoản sử dụng	9

1.3.1.3. Quy trình hạch toán	10
<b>1.3.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>12</b>
1.3.2.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng	12
1.3.2.2. Tài khoản sử dụng	12
<b>1.3.3. Kế toán giá vốn hàng bán</b>	<b>13</b>
1.3.3.1. Các phương pháp xác định giá vốn	13
1.3.3.2. Chứng từ kế toán sử dụng	14
1.3.3.3. Tài khoản sử dụng	14
1.3.3.4. Quy trình hạch toán	15
<b>1.3.4. Kế toán chi phí bán hàng</b>	<b>17</b>
1.3.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng	17
1.3.4.2. Tài khoản kế toán sử dụng	17
1.3.4.3. Quy trình hạch toán	18
<b>1.3.5. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>19</b>
1.3.5.1. Chứng từ kế toán sử dụng	19
1.3.5.2. Tài khoản sử dụng	19
1.3.5.3. Quy trình hạch toán	20
<b>1.3.6. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính</b>	<b>21</b>
1.3.6.1. Chứng từ kế toán sử dụng	21
1.3.6.2. Tài khoản sử dụng	21
1.3.6.3. Quy trình hạch toán.	22
<b>1.3.7. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác</b>	<b>24</b>
1.3.7.1. Chứng từ kế toán sử dụng	24
1.3.7.2. Tài khoản sử dụng.	24
1.3.7.3. Quy trình hạch toán.	25
<b>1.3.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh</b>	<b>26</b>
1.3.8.1. Chứng từ kế toán sử dụng	26
1.3.8.2. Tài khoản sử dụng	26
1.3.8.3. Quy trình hạch toán	29
<b>1.4. TỔ CHỨC SỔ SÁCH KẾ TOÁN DOANH THU</b>	<b>30</b>
<b>1.4.1. Hình thức kế toán Nhật Ký Chung</b>	<b>30</b>
<b>1.4.2. Hình thức kế toán Chứng Từ - Ghi Sổ</b>	<b>31</b>



1.4.3. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái	32
1.4.4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ	32
1.4.5. Hình thức kế toán máy vi tính	33
<i>Chương 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HẰNG GIANG</i>	35
<b>2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH HẰNG GIANG</b>	35
<b>2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty</b>	35
<b>2.1.2. Đặc điểm tổ chức kinh doanh của công ty</b>	35
2.1.2.1. Lĩnh vực hoạt động của công ty	35
2.1.2.2. Những kết quả đạt được trong 3 năm qua	35
2.1.2.3. Thuận lợi và khó khăn	36
2.1.2.4. Đặc điểm tổ chức quản lý của công ty	37
2.1.2.5. Đặc điểm tổ chức kế toán.	38
2.1.2.5.1. Mô hình tổ chức kế toán	38
2.1.2.5.2. Hình thức và chế độ kế toán áp dụng	39
2.1.2.5.3. Trình tự kế toán ghi sổ theo hình thức nhật ký chung	40
2.1.2.5.4. Quy trình hạch toán	40
<b>2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HẰNG GIANG</b>	41
<b>2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ</b>	41
2.2.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng	42
2.2.1.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng	42
<b>2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu</b>	58
<b>2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán</b>	58
2.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng	58
2.2.3.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng	58
<b>2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	63
2.2.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng	63
2.2.4.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng	63
<b>2.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và CP hoạt động tài chính</b>	69

<b>2.2.5.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>69</b>
2.2.5.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng	69
2.2.5.1.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng	69
2.2.5.1.3. Quy trình hạch toán	69
<b>2.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính</b>	<b>69</b>
2.2.5.2.1 Chứng từ kế toán sử dụng	69
2.2.5.2.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng	69
2.2.5.2.3. Quy trình hạch toán	69
<b>2.2.6. Kế toán thu nhập khác, chi phí khác</b>	<b>75</b>
<b>2.2.6.1. Kế toán thu nhập khác</b>	<b>75</b>
2.2.6.1.1. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng	75
2.2.6.1.2. Chứng từ sử dụng	75
2.2.6.1.3. Nội dung thu nhập khác tại công ty	75
<b>2.2.6.2. Kế toán chi phí khác</b>	<b>75</b>
2.2.6.2.1. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng	75
2.2.6.2.2. Chứng từ sử dụng	75
2.2.6.2.3. Nội dung chi phí khác tại công ty	75
<b>2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh</b>	<b>80</b>
2.2.7.1. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	80
2.2.7.2. Chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán sử dụng	81
<b>Chương 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HẰNG GIANG</b>	<b>88</b>
<b>3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hằng Giang</b>	<b>88</b>
<b>3.1.1. Ưu điểm</b>	<b>88</b>
3.1.1.1. Về tổ chức kế toán	88
3.1.1.2. Về hình thức kế toán	89
3.1.1.3. Về hệ thống sổ, chứng từ kế toán	89
3.1.1.4. Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	89
<b>3.1.2. Tồn tại cần khắc phục</b>	<b>89</b>
3.1.2.1. Về việc hạch toán doanh thu	89

3.1.2.2. Về việc áp dụng chính sách ưu đãi	90
3.1.2.3. Về việc tổ chức hệ thống sổ kế toán	90
3.1.2.4. Về việc ứng dụng kỹ thuật vào công tác kế toán	90
<b>3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác chi phí kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hằng Giang</b>	<b>90</b>
3.2.1. Tính cấp thiết của việc hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hằng Giang	90
3.2.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hằng Giang	91
3.2.3. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hằng Giang	91
<b>KẾT LUẬN</b>	<b>100</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	

## LỜI MỞ ĐẦU

Nền kinh tế ngày càng phát triển đã mở ra vô vàn cơ hội lẫn thách thức cho các doanh nghiệp. Để có thể tồn tại lâu dài và phát triển vươn lên thì các doanh nghiệp cần chủ động trong sản xuất kinh doanh, nắm bắt các thông tin đặc biệt là các thông tin tài chính một cách nhanh chóng và chuẩn xác.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những thông tin quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn đối với cả Nhà nước, nhà đầu tư, nhà cung cấp, các tổ chức tài chính ... Bởi vì nó cho ta thấy được thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có tốt hay không, có đạt được mục tiêu là tăng doanh thu, giảm chi phí, tối đa hoá lợi nhuận như doanh nghiệp đó đã đề ra hay không? Đó cũng là mục tiêu hàng đầu của mọi doanh nghiệp trong nền kinh tế hiện nay.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Hằng Giang, kết hợp với những kiến thức có được trên giảng đường, những hiểu biết về các nghiệp vụ kinh tế cùng với việc đi sâu nghiên cứu trong quá trình thực tập em đã chọn đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hằng Giang”*** cho đề tài khoá luận của mình.

Kết cấu của đề tài ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 3 chương:

**Chương 1:** Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

**Chương 2:** Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hằng Giang.

**Chương 3:** Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hằng Giang.

Trong quá trình thực tập, em đã được sự chỉ dẫn, giúp đỡ của các thầy cô bộ môn kế toán, các cô các chú, các anh chị phòng kế toán và thầy giáo Thạc sỹ Phạm Văn Tường em đã hoàn thành bài khóa luận này.

Tuy nhiên, do vốn kiến thức còn hạn chế cùng với thời gian thực tế còn chưa nhiều nên khóa luận của em khó tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô giáo để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

*Em xin chân thành cảm ơn!*

# **Chương 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.**

## **1.1. TỔNG QUAN VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.**

### **1.1.1. Doanh thu.**

#### **1.1.1.1. Khái niệm.**

Doanh thu là tổng các giá trị kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán hoặc sẽ thu được, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh (SXKD) thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu.

#### **1.1.1.2. Các loại doanh thu.**

❖ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu ngoài giá bán (nếu có).

- **Bán hàng:** Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra và bán hàng hoá do doanh nghiệp mua vào.

- **Cung cấp dịch vụ:** Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một hoặc nhiều kỳ kế toán.

- **Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia.**

- **Các khoản thu nhập khác.**

*Điều kiện ghi nhận doanh thu.*

Theo chuẩn mực kế toán số 14: “doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo quyết định 149/2001/QĐ – BTC ban hành ngày 31/12/2001.

➤ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 5 điều kiện sau:

1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua;
2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

4. DN đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
5. Xác định được chi phí liên quan đến việc bán hàng.

➤ Doanh thu cung cấp dịch vụ là giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn cả 4 điều kiện sau:

1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
2. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
3. Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

❖ **Doanh thu nội bộ:** Là số doanh thu bán hàng nội bộ trong một kỳ kế toán của khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ

❖ **Doanh thu hoạt động tài chính:** Là số tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

❖ **Thu nhập khác:** Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu gồm: thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; các khoản thu khác...

### 1.1.1.3. Nguyên tắc xác định doanh thu.

❖ Doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

❖ **Giá trị hợp lý:** Là giá trị tài sản có thể trao đổi hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá.

❖ Doanh thu chỉ được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện ghi nhận cho doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính được quy định tại chuẩn mực “Doanh thu và thu nhập khác” ; nếu không thoả mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu thì không hạch toán vào doanh thu.

❖ Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và theo năm tài chính.

❖ Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có thuế GTGT.

❖ Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT, hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán có thuế GTGT).

❖ Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán bao gồm cả thuế TTĐB và thuế xuất khẩu).

❖ Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

❖ Với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì doanh thu là phần hoa hồng mà doanh nghiệp được hưởng.

❖ Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh thu bán hàng là giá bán trả tiền ngay, và doanh thu chưa thực hiện là phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

#### 1.1.1.4. Các khoản giảm trừ doanh thu.

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản phát sinh làm giảm doanh thu trong kỳ, bao gồm:

❖ **Chiết khấu thương mại:** Là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn.

❖ **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

❖ **Hàng bán bị trả lại:** Là giá trị các loại hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

❖ **Thuế xuất khẩu:** Được đánh vào tất cả các mặt hàng, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc uỷ thác xuất khẩu phải nộp thuế này.

❖ **Thuế tiêu thụ đặc biệt:** Được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu những mặt hàng, dịch vụ mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất, tiêu dùng như hàng xa xỉ, rượu, bia, thuốc lá,...

❖ **Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:** Được tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng, thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã xác định trong kỳ.

➔ **Doanh thu thuần:** là số chênh lệch giữa tổng doanh thu với các khoản giảm trừ doanh thu.

## 1.1.2. Chi phí.

### 1.1.2.1. Khái niệm.

Theo chuẩn mực kế toán số 01: “Chuẩn mực chung” ban hành và công bố theo quyết định 165/2002/QĐ - BTC ban hành ngày 31/12/2002:

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức chi tiền ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm các khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

### 1.1.2.2. Các loại chi phí.

- ❖ **Giá vốn hàng bán:** Là trị giá hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ.
  - Đối với hàng hoá, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ: Giá vốn hàng bán là giá thành sản phẩm hay chi phí sản xuất.
  - Đối với hàng hoá tiêu thụ: Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá mua hàng của hàng đã tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.
- ❖ **Chi phí bán hàng:** Là các chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bao gồm: Chi phí lương nhân viên bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí khác bằng tiền khác.....
- ❖ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp, bao gồm: Chi phí lương nhân viên quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền.....



❖ **Chi phí hoạt động tài chính:** Là các khoản chi phí liên quan đến hoạt động tài chính, bao gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí chênh lệch tỷ giá hối đoái....

❖ **Chi phí khác:** Là các khoản chi phí phát sinh ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường, bao gồm: Giá trị còn lại của tài sản cố định khi thanh lý, nhượng bán, chi phí liên quan đến thanh lý, nhượng bán tài sản, chi cho tài trợ, biếu tặng, viện trợ...

❖ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** Phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính.

*Phương pháp để tính thuế thu nhập doanh nghiệp:*

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế \* Thuế suất thuế TNDN

### 1.1.2.3. Nguyên tắc xác định chi phí.

Mỗi doanh nghiệp, mỗi đơn vị kế toán chỉ có thể áp dụng một trong hai phương pháp: kê khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho, và phải áp dụng trong ít nhất một kỳ kế toán.

Đối với doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ: cuối kỳ kế toán phải tiến hành kiểm kê để xác định giá trị thành phẩm, hàng hoá, nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ. Trên cơ sở kết quả kiểm kê xác định giá trị hàng tồn kho đầu kỳ, cuối kỳ và giá trị vật tư hàng hoá mua vào trong kỳ để xác định giá trị vật tư, hàng hoá xuất sử dụng trong quá trình sản xuất, kinh doanh và giá vốn của hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ đã xuất bán trong kỳ.

### 1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh.

#### 1.1.3.1. Khái niệm.

Xác định kết quả kinh doanh là chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm kết quả từ hoạt động sản xuất, kinh doanh; kết quả từ hoạt động tài chính, kết quả từ hoạt động khác.

#### 1.1.3.2. Cách xác định kết quả kinh doanh.

❖ **Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh:** Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán và chi phí hoạt động kinh doanh.

❖ **Kết quả hoạt động tài chính:** Là số chênh lệch giữa doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

❖ **Kết quả hoạt động khác:** Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và chi phí khác.

*Số tiền lãi (lỗ) được phân phối như sau:*

- Nếu lỗ sẽ trừ vào lợi nhuận sau thuế của năm tài chính tiếp theo.
- Nếu lãi sẽ được doanh nghiệp phân phối theo trình tự:
  - Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.
  - Nộp tiền thu về sử dụng vốn ngân sách nhà nước.
  - Trừ các khoản chi thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý hợp lệ, các khoản lỗ năm trước chuyển sang.
  - Trích lập các quỹ: Quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng giảm giá, quỹ khen thưởng phúc lợi.
  - Chia lãi các bên tham gia góp vốn.

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu quan trọng, thông qua chỉ tiêu này sẽ biết được trong kỳ sản xuất kinh doanh đã qua, doanh nghiệp đã lãi hay lỗ, là kinh doanh hiệu quả hay không. Điều này đã giúp nhà quản lý đưa ra được những chính sách phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

## **1.2. SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.**

### **1.2.1. Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

❖ **Đối với doanh nghiệp:** Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp:

- Nắm và đánh giá được hiệu quả sản xuất, kinh doanh của từng hoạt động trong doanh nghiệp.
- Làm căn cứ để thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, thực hiện việc phân phối và tái đầu tư sản xuất kinh doanh.
- Đưa ra được những chiến lược, giải pháp sản xuất kinh doanh dựa trên những thông tin thu thập được.

❖ **Đối với Nhà nước:** Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng với Nhà nước:

- Dựa vào kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu.

- Thông qua tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định kinh tế quốc gia sử dụng chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá để đề ra các giải pháp phù hợp phát triển kinh tế tầm vĩ mô tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động.

- Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư Nhà nước, việc xác định doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh không những đảm bảo doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả mà đảm bảo nguồn vốn Nhà nước không bị thất thoát.

❖ **Đối với nhà đầu tư:** Giúp các nhà đầu tư nắm bắt, phân tích và đánh giá tình hình doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đưa ra các quyết định đầu tư một cách chính xác và hiệu quả nhất.

❖ **Đối với các tổ chức tài chính trung gian:** Dựa vào số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp làm căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp vay vốn hay không.

❖ **Đối với nhà cung cấp:** Kết quả kinh doanh, lịch sử thanh toán là căn cứ cho doanh nghiệp chậm thanh toán, ...

## **1.2.2. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

### **1.2.2.1. Vai trò.**

Việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cơ sở để đánh giá hiệu quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định của doanh nghiệp, là điều kiện tốt nhất để cung cấp các thông tin cần thiết giúp cho Ban lãnh đạo có thể phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và lựa chọn phương án kinh doanh, đầu tư có hiệu quả nhất, đồng thời cung cấp kịp thời các thông tin tài chính cho các bên liên quan.

Kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng của một kỳ kế toán. Nó cho biết được trong kỳ kế toán đó công ty lãi hay lỗ. Vì vậy, việc xác định kết quả kinh doanh phải chính xác, đúng đắn và đầy đủ.

### **1.2.2.2. Nhiệm vụ.**

Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác chi phí phát sinh trong kỳ cho từng đối tượng chịu chi phí của hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ kế toán.

Phản ánh, tính toán và kết chuyển chính xác kết quả của từng hoạt động kinh doanh trong kỳ kinh doanh nhằm xác định và phân phối kết quả kinh doanh đúng đắn, hợp lý.

Cung cấp thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả kinh doanh của toàn doanh nghiệp.

### **1.3. NỘI DUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH .**

#### **1.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.**

##### **1.3.1.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.**

Tùy theo phương thức bán hàng, phương thức thanh toán, kế toán bán hàng sử dụng các chứng từ, sổ sách kế toán sau:

- Hóa đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ (HĐ thông thường, HĐ GTGT).
- Các chứng từ thanh toán (PT, séc thanh toán, UNT, GBC của ngân hàng).
- Chứng từ liên quan khác: Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại,...
- Sổ chi tiết bán hàng.
- Bảng kê bán hàng.
- Sổ chi tiết các tài khoản 511, 512, 3331.
- Bảng cân đối số phát sinh.
- Báo cáo tài chính, ...

##### **1.3.1.2. Tài khoản sử dụng:**

❖ *Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 6 TK cấp 2:*

- TK 5111- Doanh thu bán hàng.
- TK 5112- Doanh thu bán các thành phẩm.
- TK 5113- Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- TK 5114- Doanh thu trợ cấp, trợ giá.
- TK 5117- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư.
- TK 5118- Doanh thu khác.

❖ *Tài khoản 512- Doanh thu bán hàng nội bộ.*

- TK 5121- Doanh thu bán hàng hoá.
- TK 5122- Doanh thu bán các thành phẩm.

- TK 5123- Doanh thu cung cấp dịch vụ.
- ❖ *Tài khoản 33311- Thuế giá trị gia tăng đầu ra.*

Kết cấu tài khoản 511, 512:

Nợ	TK 511, 512	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thuế TTĐB, thuế XK, Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.</li> <li>• Các khoản CKTM, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.</li> <li>• Kết chuyển DT thuần sang TK 911.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>❖ Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ, lao vụ phát sinh trong kỳ hạch toán.</li> </ul>	
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

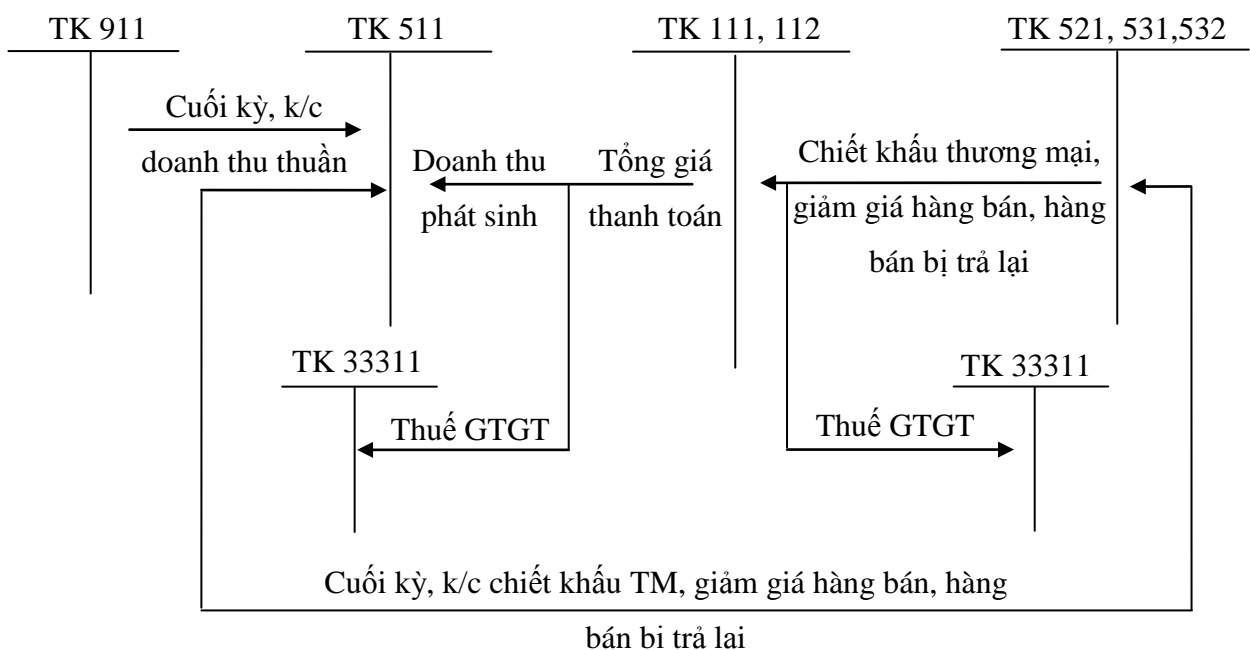
TK 511, 512 không có số dư cuối kỳ

**1.3.1.3. Quy trình hạch toán.**

- ❖ **Kế toán doanh thu bán hàng theo phương pháp trực tiếp.**

Là phương thức bán hàng mà khách hàng có thể đến mua hàng trực tiếp hoặc thanh toán trước tiền hàng, sau đó công ty sẽ chuyển hàng đến nơi khách hàng yêu cầu. Chi phí vận chuyển sẽ do hai bên thoả thuận.

**Sơ đồ 01: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**  
(Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



❖ **Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức gửi đại lý.**

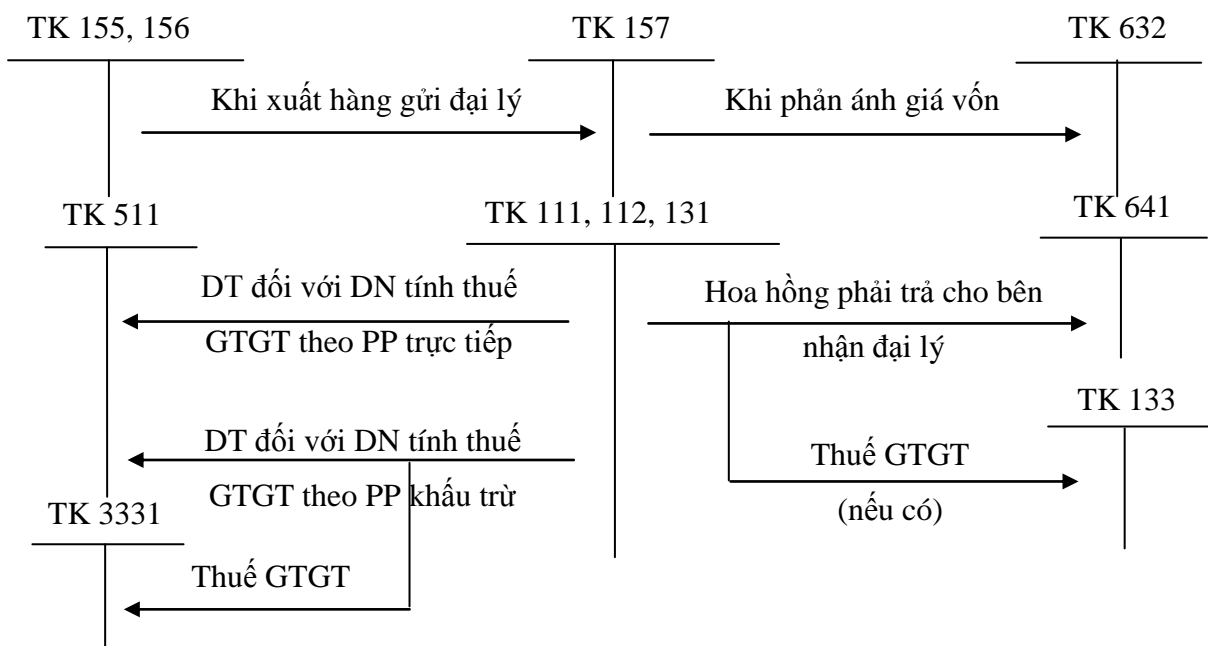
Là phương thức bán hàng mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán, bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

**Đối với bên giao đại lý:** Doanh nghiệp sẽ giao hàng cho bên nhận đại lý, bên đó sẽ trực tiếp bán hàng, thanh toán cho bên doanh nghiệp và nhận hoa hồng. Doanh nghiệp có nhiệm vụ nộp thuế GTGT, thuế TTĐB (nếu có) trên tổng giá trị hàng gửi bán không bao gồm phần hoa hồng phải trả cho bên nhận đại lý. Khoản hoa hồng được coi là khoản chi phí và hạch toán vào TK 641.

**Đối với bên nhận đại lý:** Số hàng bán đại lý không phải sở hữu của doanh nghiệp nhưng doanh nghiệp cũng có trách nhiệm bảo quản, bán hộ và được hưởng hoa hồng như trong hợp đồng đã ký.

**Sơ đồ 02: Kế toán bán hàng thông qua đại lý  
(Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)**

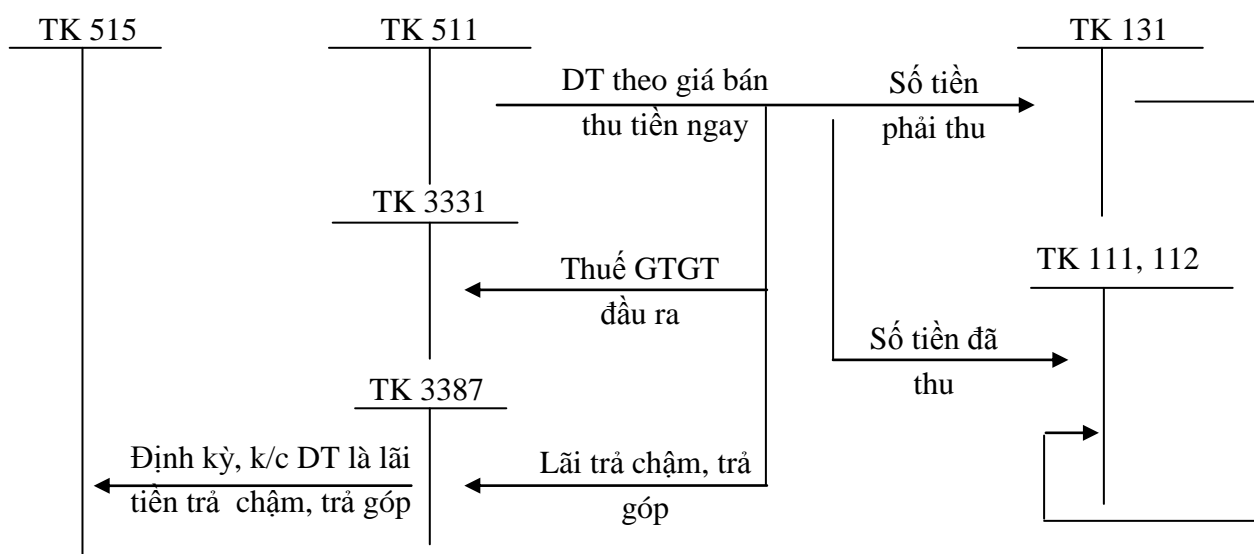
**Đối với bên giao đại lý**



❖ **Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp.**

Là phương thức bán hàng trả tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua. Số tiền trả chậm phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua thì hàng được coi là tiêu thụ (về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua trả hết tiền).

**Sơ đồ 03: Kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp.**



❖ **Kế toán doanh thu bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng.**

Khi doanh nghiệp xuất hàng trao đổi cho khách, kế toán phải ghi nhận doanh thu bán hàng và tính thuế GTGT đầu ra. Khi doanh nghiệp nhận hàng của khách hàng kế toán ghi nhập kho và tính thuế GTGT đầu vào.

❖ **Kế toán doanh thu bán hàng nội bộ.**

Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ giữa các đơn vị chính với các đơn vị trực thuộc hay giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng công ty, tổng công ty,...

**1.3.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.**

**1.3.2.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng.**

- Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho.
- Phiếu thu, phiếu chi, hoá đơn GTGT.
- Chứng từ khác có liên quan.
- Các sổ chi tiết liên quan.
- Bảng cân đối số phát sinh.
- Báo cáo tài chính.

**1.3.2.2. Tài khoản sử dụng.**

- ❖ Tài khoản 521- Chiết khấu thương mại.
- ❖ Tài khoản 531- Hàng bán bị trả lại.
- ❖ Tài khoản 532- Giảm giá hàng bán.



Kết cấu tài khoản 521, 531, 532:

Nợ	TK 521, 531, 532	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>Khoản chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho KH.</li> <li>Trị giá hàng bán trả lại.</li> <li>Khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho khách hàng hưởng.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>Kết chuyển toàn bộ khoản chiết khấu thương mại sang TK 511, TK 512 để xác định DT thuần.</li> </ul>
$\Sigma$ Số phát sinh bên Nợ		$\Sigma$ Số phát sinh bên Có

TK 521 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, bao gồm:

\*TK 3332- Thuế tiêu thụ đặc biệt.      \* TK 3333- Thuế xuất, nhập khẩu.

### 1.3.3. Kế toán giá vốn hàng bán.

#### 1.3.3.1. Các phương pháp xác định giá vốn.

Để tính giá vốn hàng xuất kho, kế toán có thể áp dụng một trong bốn phương pháp tính trị giá hàng xuất kho theo quy định trong Chuẩn mực kế toán số 02: “Hàng tồn kho”:

- Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ, bình quân gia quyền liên hoàn.
- Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)
- Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO).
- Phương pháp thực tế đích danh.

**Trị giá hàng xuất kho = Lượng hàng hoá xuất kho \* Giá đơn vị xuất kho.**

❖ **Phương pháp bình quân gia quyền:** Theo phương pháp này thì trị giá thực tế của hàng hoá, thành phẩm xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hoá, thành phẩm xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền.

Giá đơn vị bình quân gia quyền có hai cách tính:

Cách 1: Bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

Cách 2: Bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Giá đơn vị bình quân gia quyền liên hoàn sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá hàng tồn sau lần nhập } i}{\text{Lượng hàng tồn sau lần nhập } i}$$



❖ **Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):**

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nhập về trước sẽ được xuất trước, xuất hết số hàng nhập trước mới tính đến số hàng nhập sau theo giá mua thực tế của từng loại hàng (trong trường hợp này, số hàng tồn đầu kỳ sẽ được coi là lần nhập đầu tiên).

❖ **Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO):**

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nhập về sau sẽ được xuất trước, xuất hết số hàng nhập lần sau mới tính đến số hàng nhập lần ngay trước đó của từng loại hàng.

❖ **Phương pháp thực tế đích danh:**

Theo phương pháp này, hàng hoá nhập kho theo giá nào thì được xuất kho theo giá đó. Hàng hoá được xác định theo đơn chiếc từng lô và giữ nguyên giá cho đến lúc bán (trừ trường hợp điều chỉnh). Phương pháp này phản ánh chính xác giá trị của từng lô hàng hoá của mỗi lần nhập. Do đó những doanh nghiệp có nhiều mặt hàng, nhiều nghiệp vụ nhập xuất hàng hoá không nên áp dụng.

**1.3.3.2. Chứng từ kế toán sử dụng.**

- Hoá đơn mua hàng, hoá đơn GTGT.
- Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho.
- Phiếu kế toán (nếu có).

**1.3.3.3. Tài khoản sử dụng.**

- ❖ Tài khoản 155- Thành phẩm.
- ❖ Tài khoản 156- Hàng hoá.
- ❖ Tài khoản 157- Hàng gửi đi bán.

Tài khoản 632- Giá vốn hàng bán.

*Kết cấu tài khoản 632:*

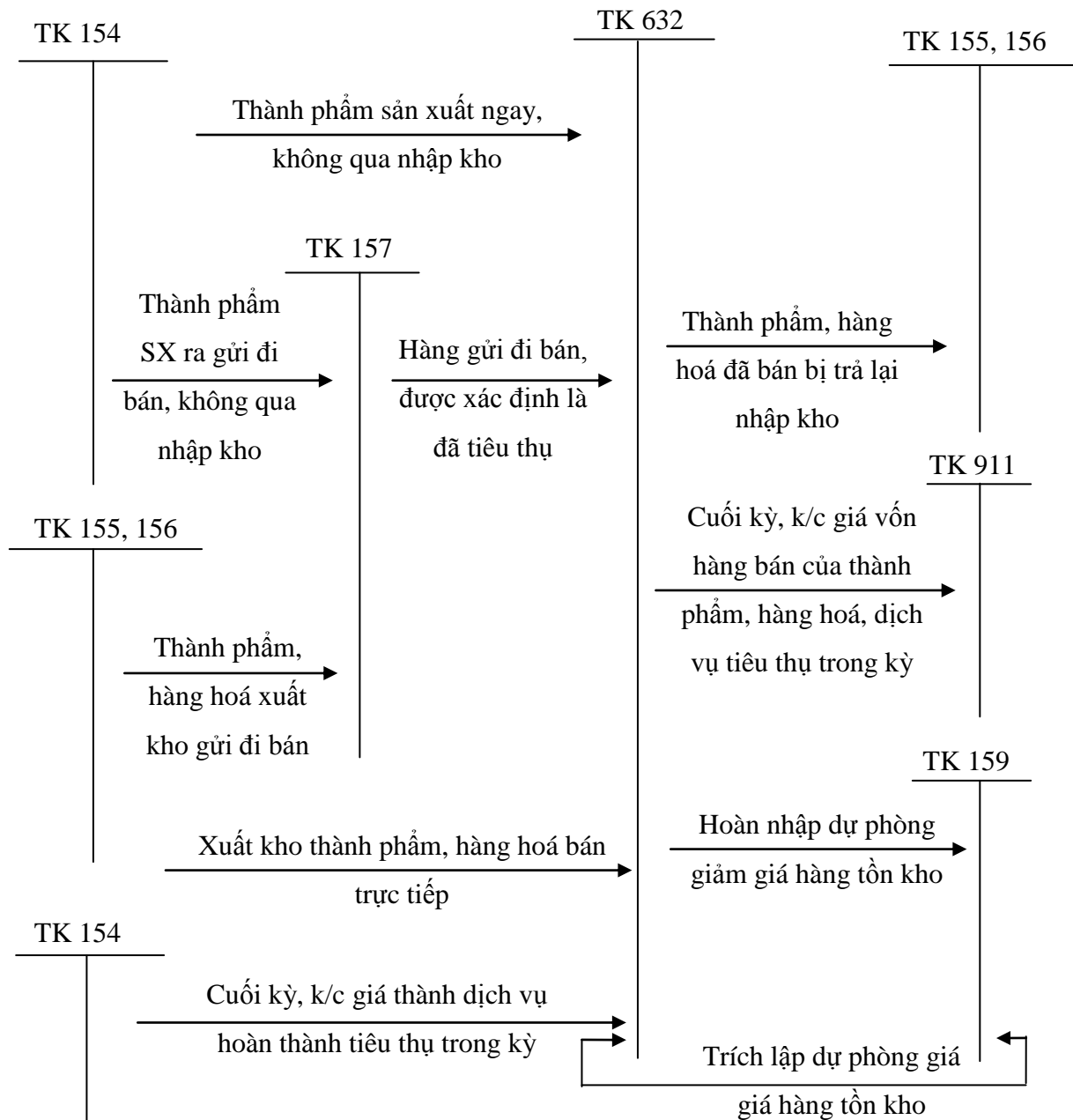
Nợ	TK632	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phản ánh giá vốn của hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ.</li> <li>• Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>• K/c giá vốn hàng bán bị trả lại.</li> <li>• Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.</li> <li>• K/c giá vốn hàng bán vào TK 911.</li> </ul>
$\Sigma$ Số phát sinh bên Nợ		$\Sigma$ Số phát sinh bên Có

TK 632 không có số dư cuối kỳ

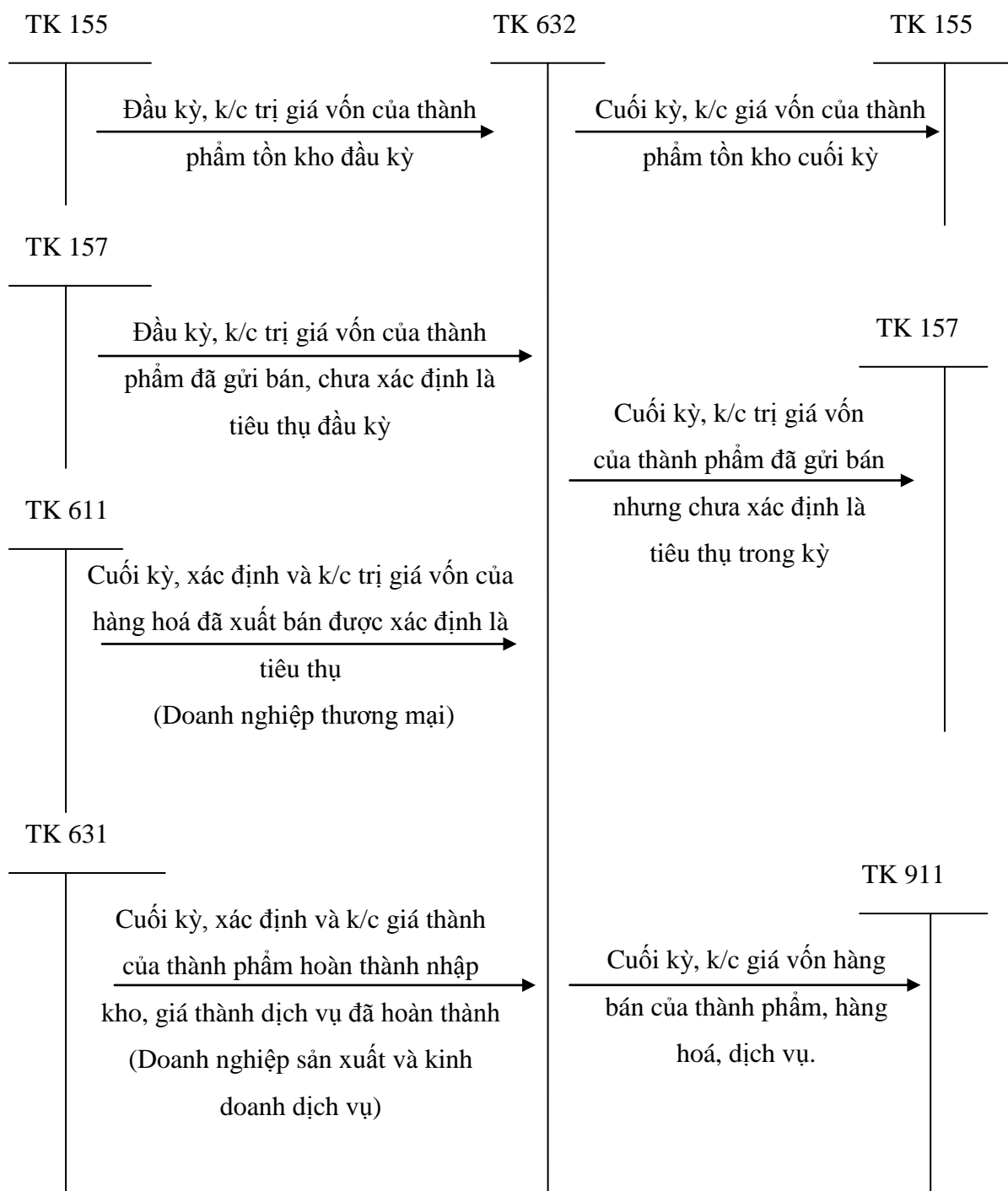
**1.3.3.4. Quy trình hạch toán.**

**Sơ đồ 04: Kế toán giá vốn hàng bán.**

❖ Theo phương pháp kê khai thường xuyên.



❖ Theo phương pháp kiểm kê định kỳ.



### 1.3.4. Kế toán chi phí bán hàng.

#### 1.3.4.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

- Bảng tính và phân bổ tiền lương và BHXH.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ.
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu thu, phiếu chi,...

#### 1.3.4.2. Tài khoản kế toán sử dụng.

❖ Tài khoản 641 - Chi phí bán hàng, bao gồm 7 tài khoản cấp 2:

- TK 6411 - Chi phí nhân viên.
- TK 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì.
- TK6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
- TK 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ.
- TK 6415 - Chi phí bảo hành.
- TK 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 6418 - Chi phí bằng tiền khác.

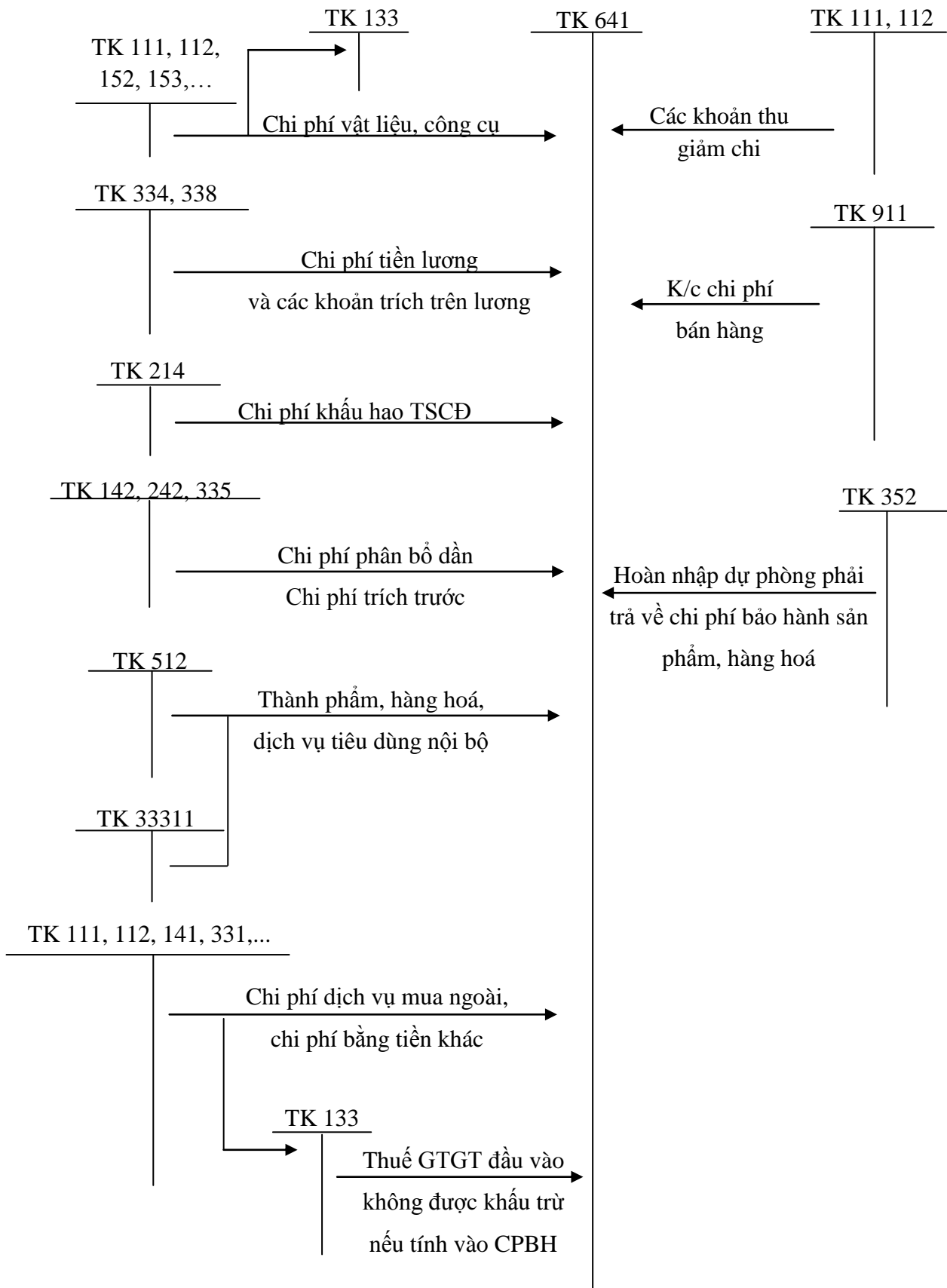
#### Kết cấu tài khoản 641:

Nợ	TK 641	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tập hợp chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kết chuyển chi phí bán hàng trong kỳ sang TK 911.</li> </ul>
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 641 không có số dư cuối kỳ

**1.3.4.3. Quy trình hạch toán.**

**Sơ đồ 05: Kế toán chi phí bán hàng.**



### 1.3.5. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 1.3.5.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

- Bảng tính và phân bổ tiền lương và BHXH.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ.
- Các chứng từ gốc liên quan.

#### 1.3.5.2. Tài khoản sử dụng.

- ❖ Tài khoản 642- Chi phí quản lý doanh nghiệp, bao gồm 8 tài khoản cấp 2:
  - TK 6421- Chi phí nhân viên quản lý.
  - TK 6422- Chi phí vật liệu quản lý.
  - TK 6423- Chi phí đồ dùng văn phòng.
  - TK 6424- Chi phí khấu hao TSCĐ.
  - TK 6425- Thuế, phí và lệ phí.
  - TK 6426- Chi phí dự phòng.
  - TK 6427- Chi phí dịch vụ mua ngoài.
  - TK 6428- Chi phí bằng tiền khác.

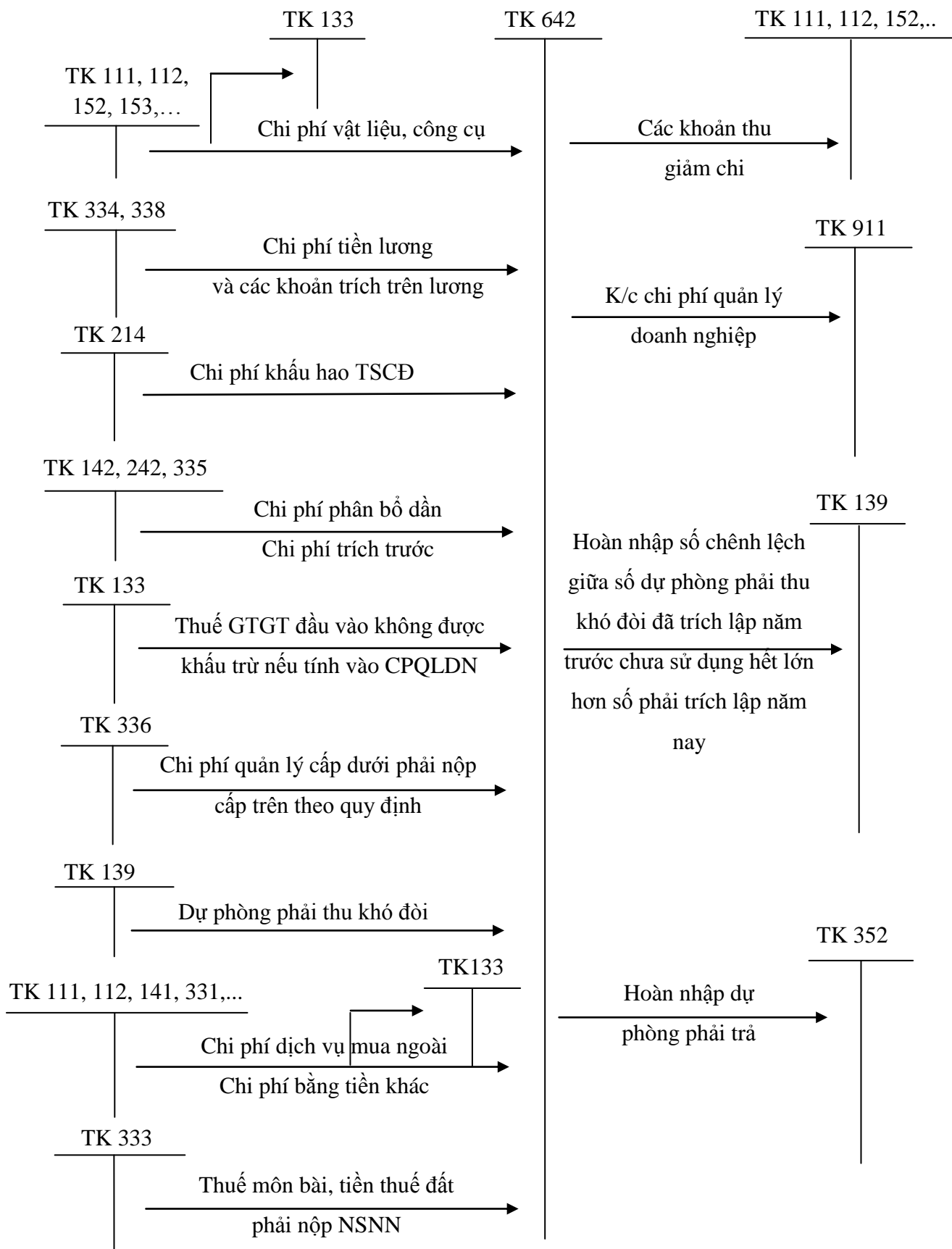
#### *Kết cấu tài khoản 642:*

Nợ	TK 642	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ.</li> </ul>
Σ Số phát sinh bên Nợ		Σ Số phát sinh bên Có

TK 642 không có số dư cuối kỳ

**1.3.5.3. Quy trình hạch toán.**

**Sơ đồ 06: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.**



### 1.3.6. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

#### 1.3.6.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

- Phiếu thu, phiếu chi, phiếu kế toán.
- Giấy báo có, giấy báo nợ, ...
- Các chứng từ liên quan khác.

#### 1.3.6.2. Tài khoản sử dụng.

##### ❖ Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính.

##### *Kết cấu tài khoản 515:*

Nợ	TK515	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).</li> <li>• Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ: lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán trả chậm, lãi tỷ giá...</li> </ul>
$\Sigma$ Số phát sinh bên Nợ		$\Sigma$ Số phát sinh bên Có

TK 515 không có số dư cuối kỳ

##### ❖ Tài khoản 635- Chi phí hoạt động tài chính.

##### *Kết cấu tài khoản 635:*

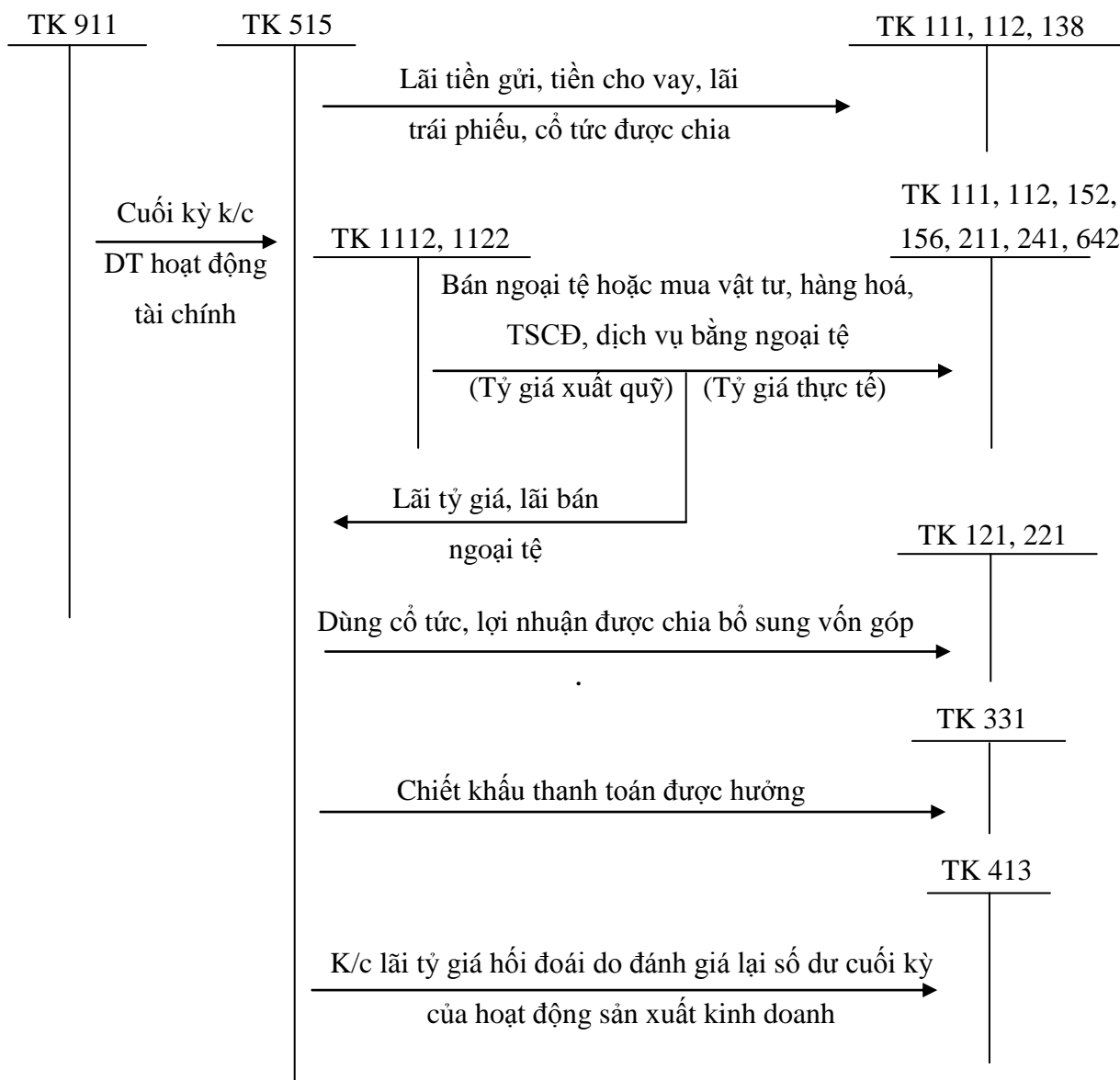
Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tập hợp chi phí hoạt động tài chính: Chi phí đi vay, lỗ tỷ giá, chiết khấu thanh toán cho người mua.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang TK 911.</li> </ul>
$\Sigma$ Số phát sinh bên Nợ		$\Sigma$ Số phát sinh bên Có

TK 635 không có số dư cuối kỳ

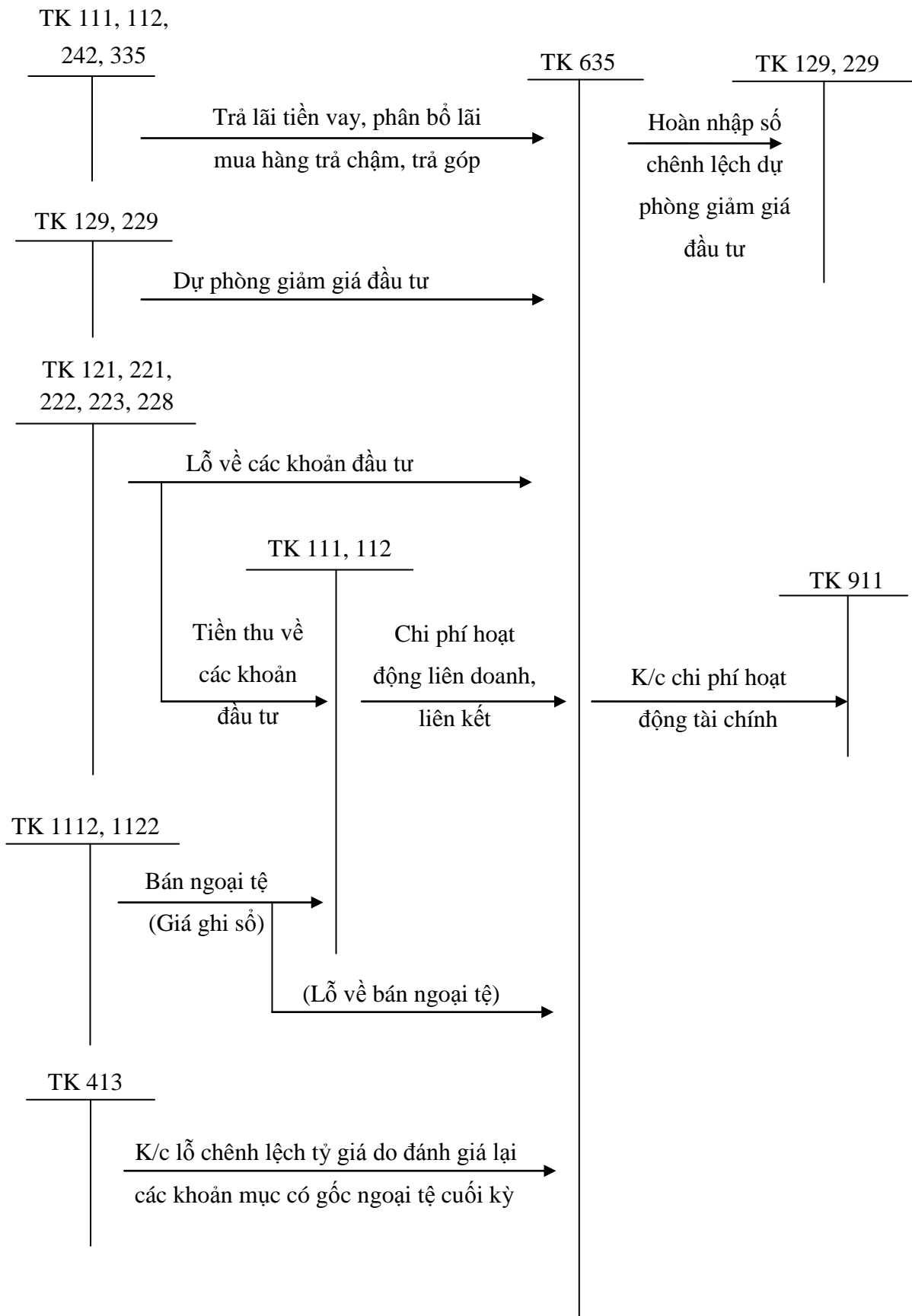


**1.3.6.3. Quy trình hạch toán.**

**Sơ đồ 07: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.**



**Sơ đồ 08: Kế toán chi phí hoạt động tài chính**



### 1.3.7. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

#### 1.3.7.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

- Phiếu thu, phiếu chi, phiếu kế toán.
- Giấy báo nợ, giấy báo có,...
- Các chứng từ khác liên quan.

#### 1.3.7.2. Tài khoản sử dụng.

##### ❖ Tài khoản 711- Doanh thu khác.

*Kết cấu tài khoản 711:*

Nợ	TK711	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp.</li> <li>• Kết chuyển thu nhập khác sang TK 911.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tập hợp thu nhập khác phát sinh trong kỳ kinh doanh.</li> </ul>
$\Sigma$ Số phát sinh bên Nợ		$\Sigma$ Số phát sinh bên Có

TK 711 không có số dư cuối kỳ

##### ❖ Tài khoản 811- Chi phí khác.

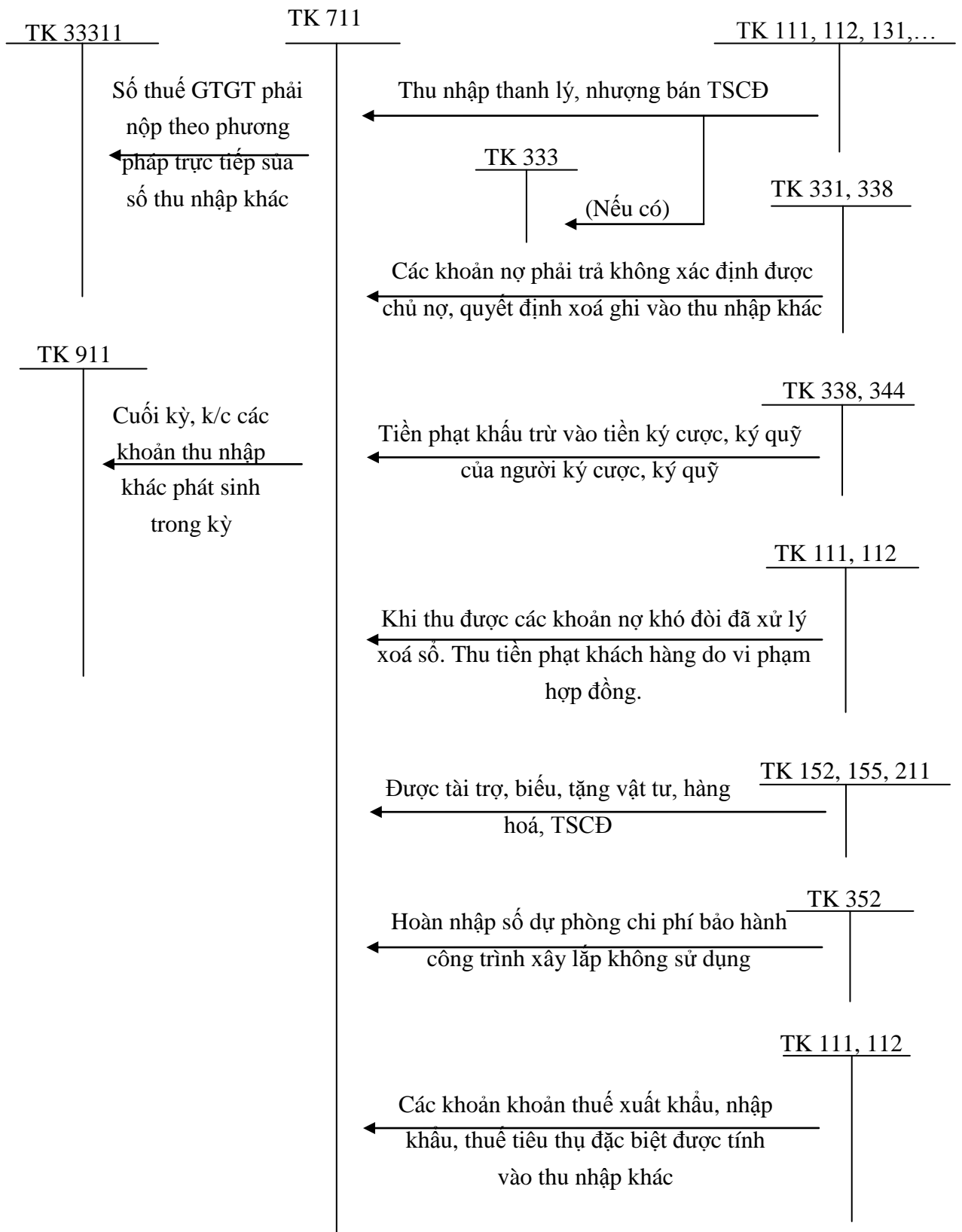
*Kết cấu tài khoản 811:*

Nợ	TK 811	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tập hợp chi phí khác phát sinh trong kỳ.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Kết chuyển chi phí khác sang TK 911.</li> </ul>
$\Sigma$ Số phát sinh bên Nợ		$\Sigma$ Số phát sinh bên Có

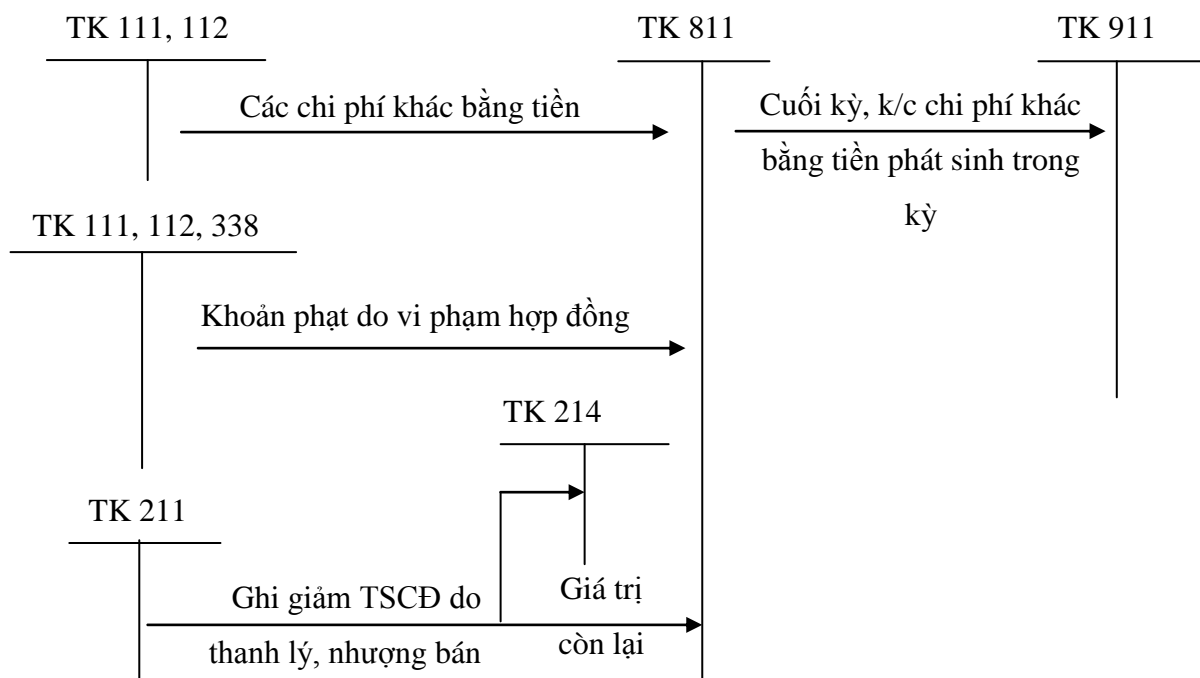
TK 811 không có số dư cuối kỳ

**1.3.7.3. Quy trình hạch toán.**

**Sơ đồ 09: Kế toán thu nhập khác.**



**Sơ đồ 10: Kế toán chi phí khác.**



**1.3.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.**

**1.3.8.1. Chứng từ kế toán sử dụng.**

- Phiếu kế toán.
- Các chứng từ liên quan khác.

**1.3.8.2. Tài khoản sử dụng.**

❖ Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh.

*Kết cấu tài khoản 911:*

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tập hợp CP phát sinh trong kỳ (giá vốn hàng bán, CP BH, CP QLDN, CP hoạt động tài chính, CP khác).</li> <li>• Kết chuyển lãi.</li> <li>• Kết chuyển CP thuế TNDN.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tập hợp doanh thu, thu nhập phát sinh trong kỳ (doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác).</li> <li>• Kết chuyển lỗ.</li> </ul>
$\Sigma$ Số phát sinh bên Nợ		$\Sigma$ Số phát sinh bên Có

TK 911 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 421- Lợi nhuận chưa phân phối, bao gồm:

- TK 4211- Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.
- TK 4212- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

*Kết cấu tài khoản 421:*

Nợ	TK 421	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</li> <li>• Trích lập các quỹ trong doanh nghiệp.</li> <li>• Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, các nhà đầu tư, các bên tham gia góp vốn.</li> <li>• Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.</li> <li>• Nộp lợi nhuận lên cấp trên.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh trong kỳ.</li> <li>• Số lỗ của cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù.</li> <li>• Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.</li> </ul>
	Σ Số phát sinh bên Nợ	Σ Số phát sinh bên Có
	Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý	Số lợi nhuận chưa phân phối

❖ Tài khoản 821- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm:

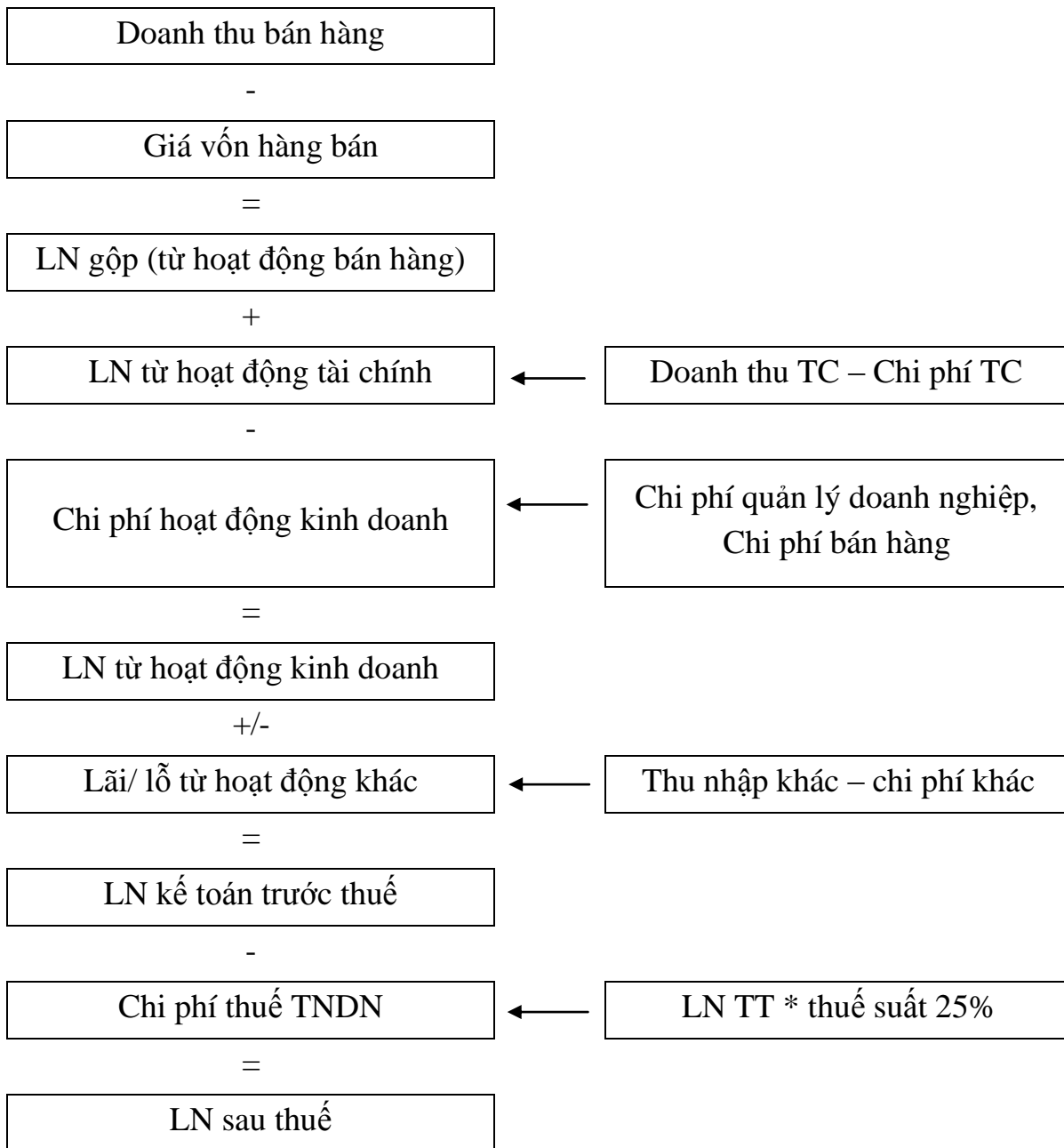
- TK 8211- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- TK 8212- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.
- 

*Kết cấu tài khoản 821:*

Nợ	TK 821	Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm.</li> <li>• Ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm.</li> <li>• Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.</li> <li>• Kết chuyển xác định kết quả kinh doanh.</li> </ul>
	Σ Số phát sinh bên Nợ	Σ Số phát sinh bên Có

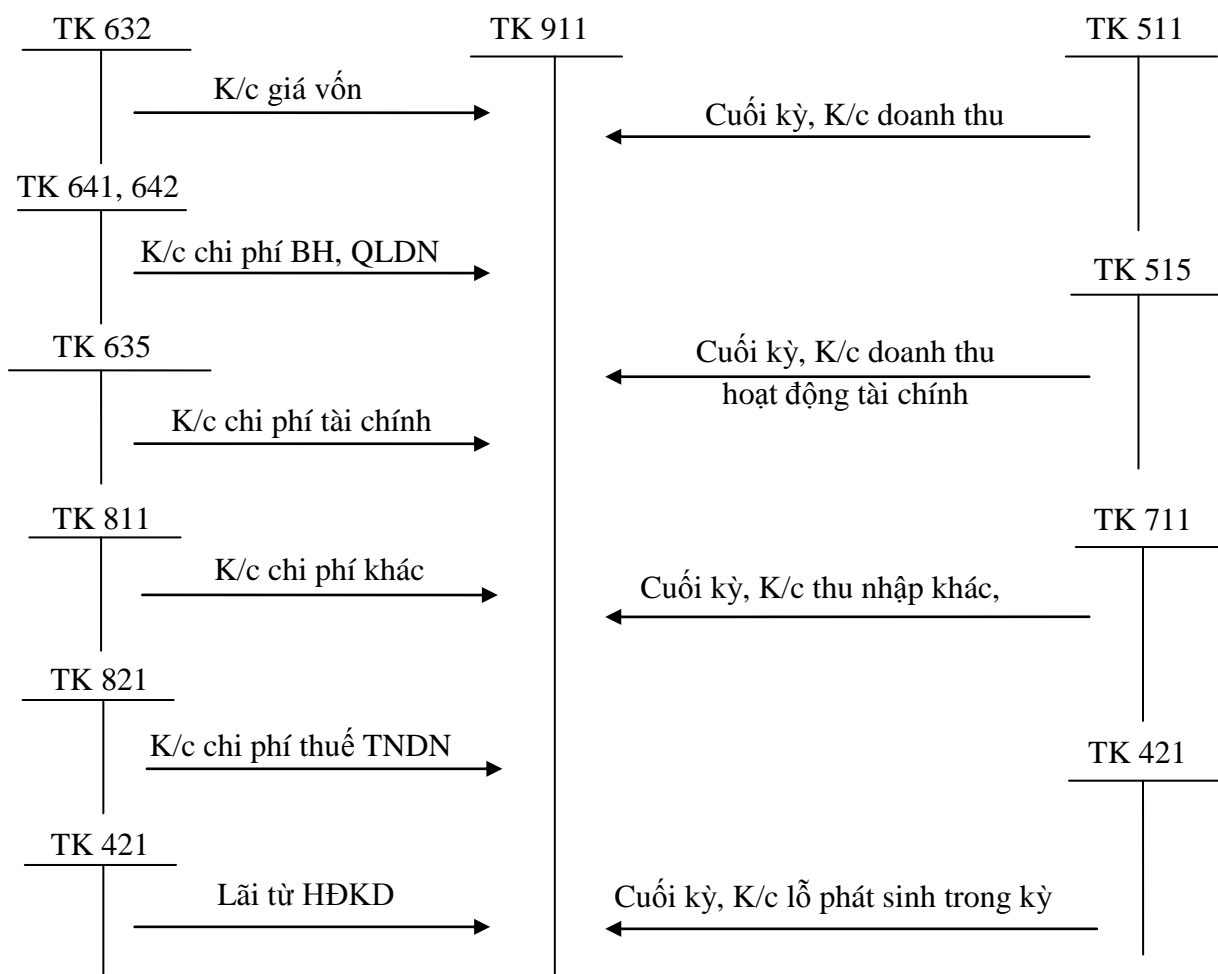
TK 821 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 3334- Thuế thu nhập doanh nghiệp.

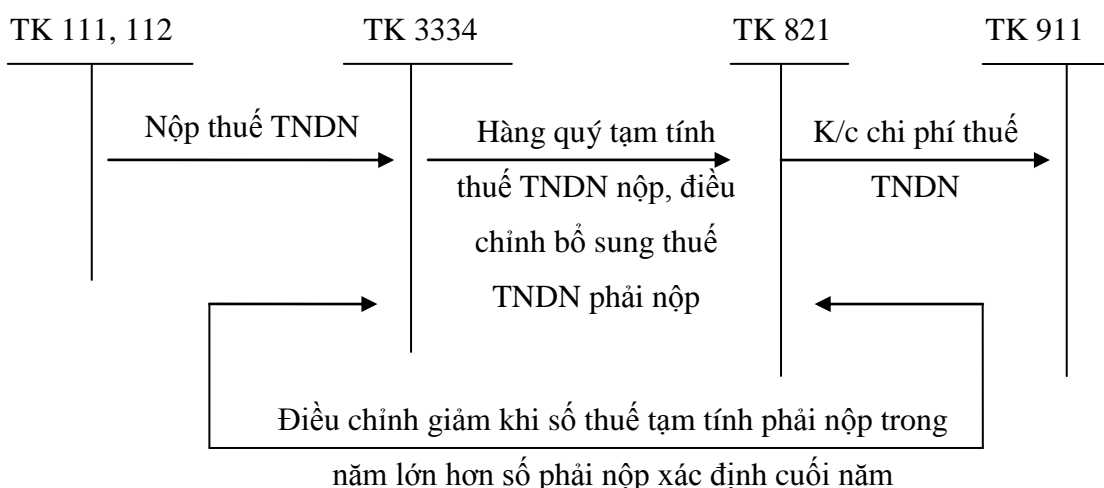


**1.3.8.3. Quy trình hạch toán.**

**Sơ đồ 11: Kế toán xác định kết quả kinh doanh.**



**Sơ đồ 12: Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.**





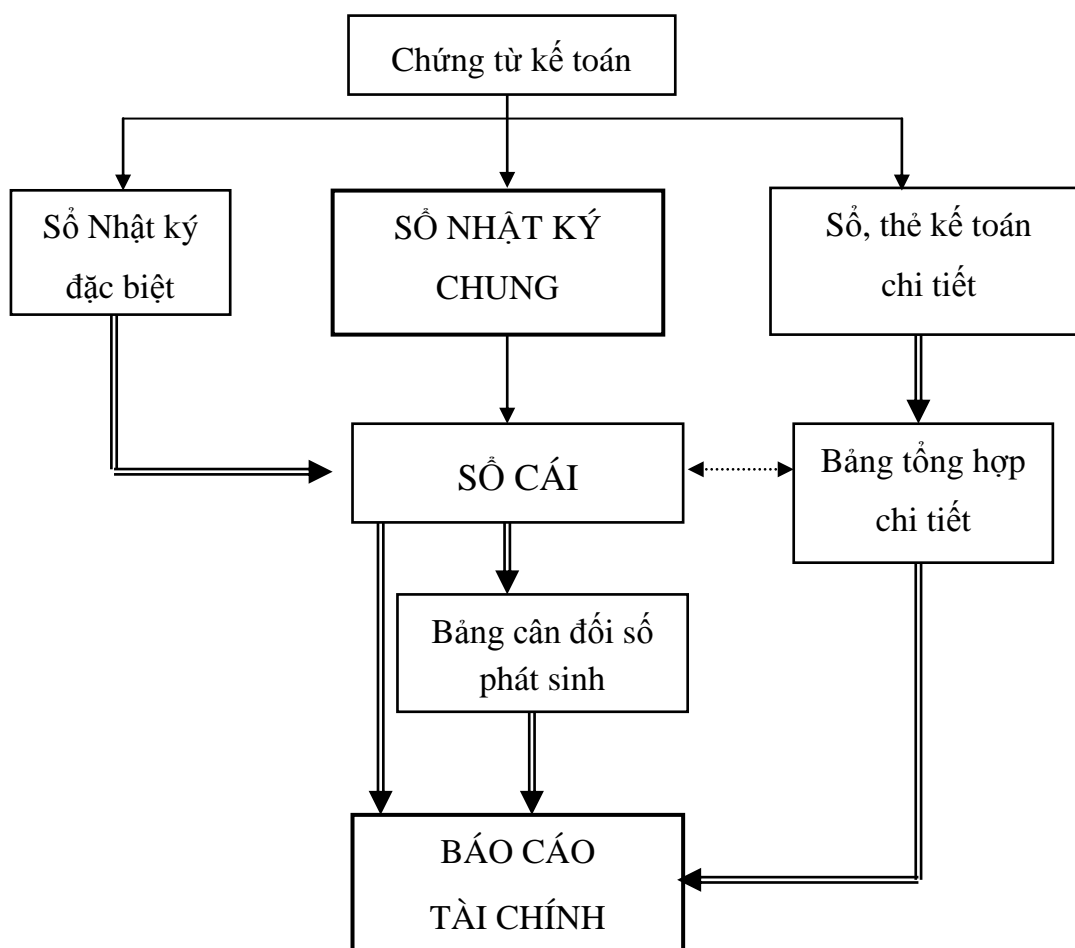
## 1.4. TỔ CHỨC SỔ SÁCH KẾ TOÁN DOANH THU.

### 1.4.1. Hình thức kế toán Nhật Ký Chung.

❖ Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là Sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

- ❖ Các loại sổ: Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái, sổ thẻ kế toán chi tiết,...
- ❖ Trình tự ghi sổ kế toán.

**Sơ đồ 13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung.**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày  →
- Ghi cuối tháng  →
- Đối chiếu, kiểm tra  ↔

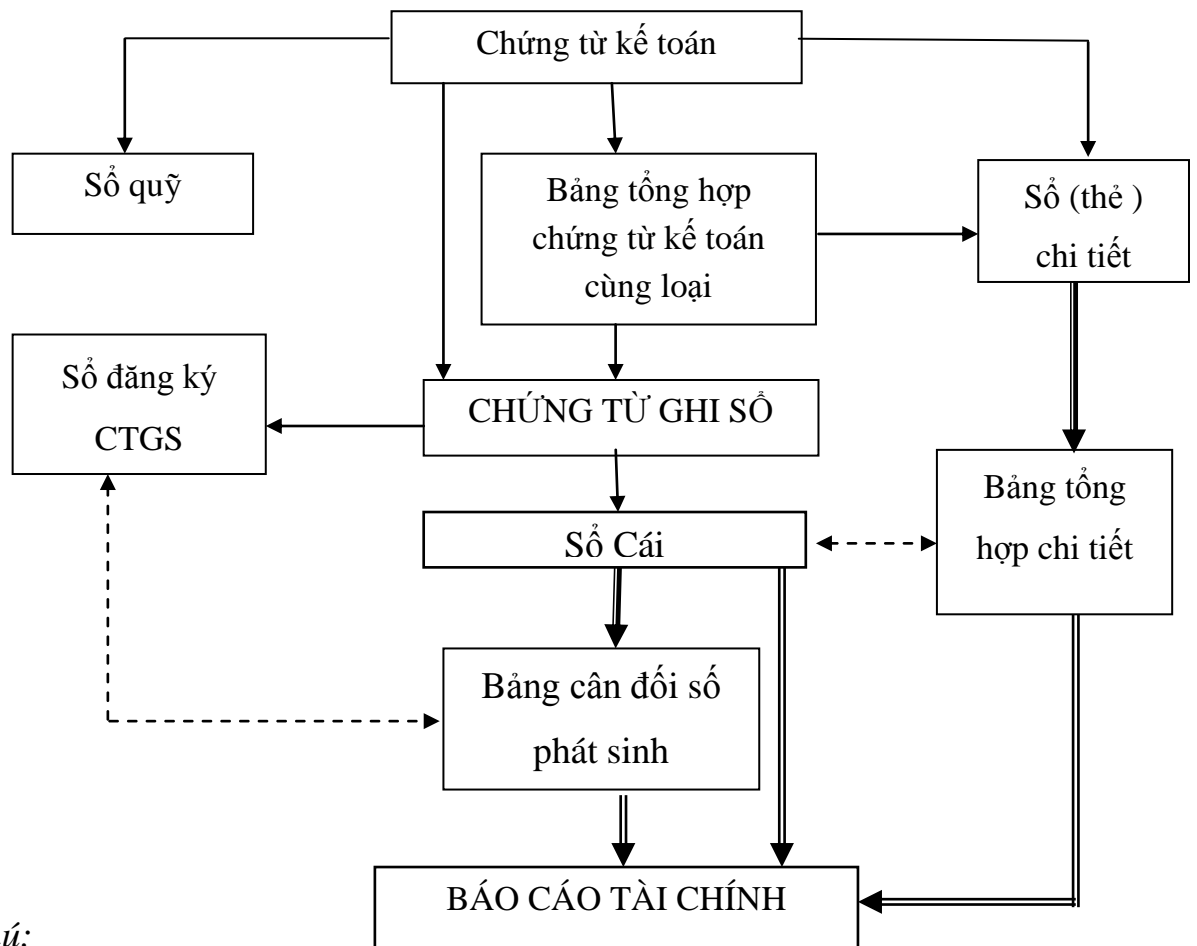
### 1.4.2. Hình thức kế toán Chứng Từ - Ghi Sổ.

❖ Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức chứng từ - ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm: Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ và Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế. Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

- ❖ Các loại sổ: CTGS; Sổ ĐK Chứng từ ghi sổ; SC; các sổ, thẻ KT chi tiết..
- ❖ Trình tự ghi sổ kế toán.

**Sơ đồ 14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng Từ Ghi Sổ.**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày  →
- Ghi cuối tháng  →
- Đối chiếu, kiểm tra  ↔

### 1.4.3. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

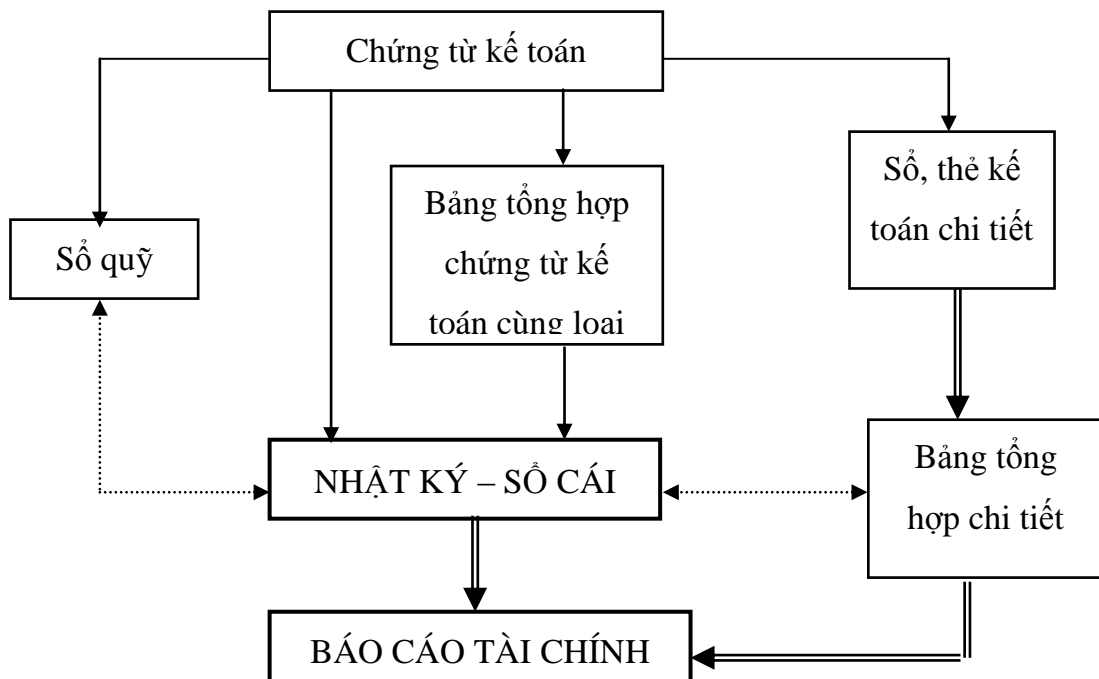
❖ Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký- Sổ Cái.

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký- Sổ Cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký- Sổ Cái. Căn cứ để ghi sổ Nhật ký- Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

❖ Các loại sổ: Nhật ký- Sổ Cái; các sổ, thẻ kế toán chi tiết...

❖ Trình tự ghi sổ kế toán.

**Sơ đồ 15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký - Sổ Cái.**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày                      →
- Ghi cuối tháng                      ==>
- Đối chiếu, kiểm tra                <-.-.-.-.->

### 1.4.4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ

❖ Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký - Chứng từ:

- Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng bên Nợ.

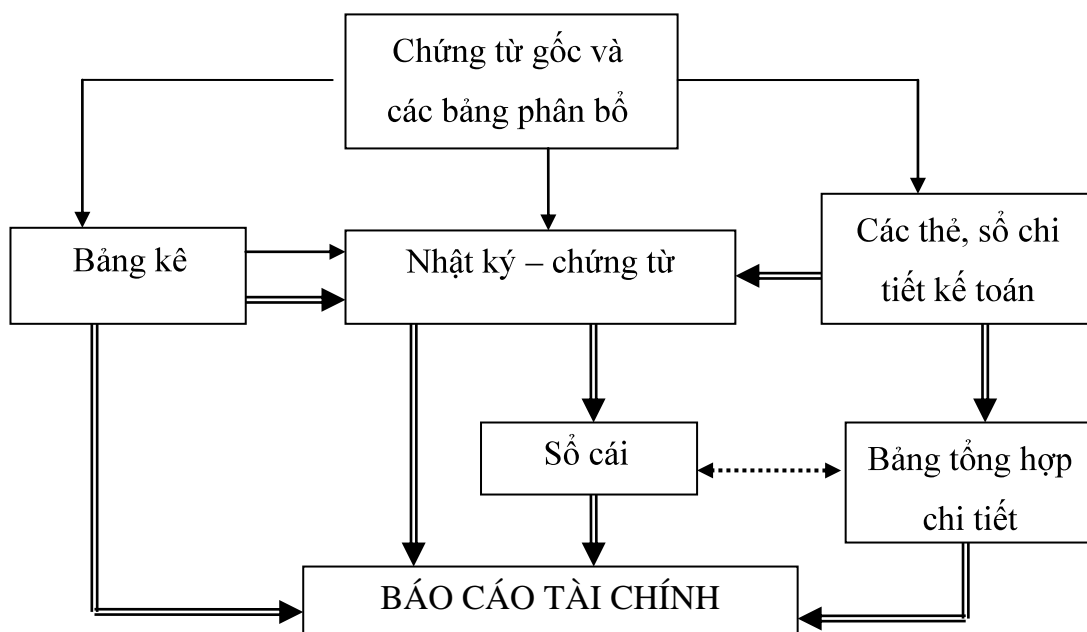
Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập Báo cáo tài chính.

- ❖ Các loại sổ sách sử dụng: Nhật ký - chứng từ; Bảng kê; Sổ Cái; Sổ, thẻ kế toán chi tiết...
- ❖ Trình tự ghi sổ.

**Sơ đồ 16: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký - Chứng Từ.**



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- Đối chiếu, kiểm tra

**1.4.5. Hình thức kế toán máy vi tính.**

- ❖ Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy vi tính.

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết

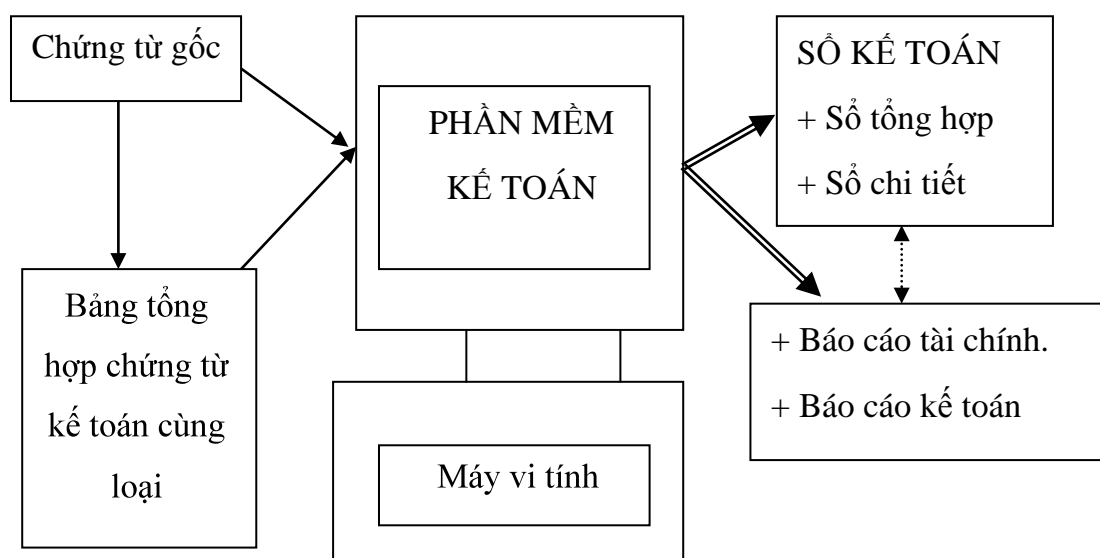
hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và Báo cáo tài chính theo quy định.

❖ Các loại sổ:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đấy nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

❖ Trình tự ghi sổ.

**Sơ đồ 17: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy.**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng ==>
- Đối chiếu, kiểm tra <-.->

## **Chương 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HẰNG GIANG.**

### **2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH HẰNG GIANG.**

#### **2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.**

Công ty TNHH Hằng Giang thành lập năm 2001 với tên gọi là Công ty Cổ phần Hằng Giang. Đến năm 2011 công ty thay đổi hình thức từ công ty cổ phần sang công ty TNHH 2 thành viên trở lên với tên gọi là Công ty trách nhiệm hữu hạn Hằng Giang.

- + Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH HẰNG GIANG.**
- + Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH 2 thành viên trở lên.**
- + Địa chỉ: Hợp Thành - Thủy Nguyên - Hải Phòng.**
- + Điện thoại: 0313.674.844 Fax:0313.674.844.**
- + Tài khoản giao dịch: 0031000142594 tại NH Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) chi nhánh Thủy Nguyên – Hải Phòng.**
- + Mã số thuế: 0200554277.**
- + Vốn điều lệ: 12.000.000.000đ (Mười hai tỷ đồng chẵn).**

#### **2.1.2. Đặc điểm tổ chức kinh doanh của công ty.**

##### **2.1.2.1. Lĩnh vực hoạt động của công ty**

- Đóng mới tàu chở hàng loại có trọng tải từ 200 tấn đến 2500 tấn.
- Sửa chữa, khôi phục những loại tàu đã qua sử dụng.
- ***Hiện tại, công ty tập trung chủ yếu vào sửa chữa và khôi phục những loại tàu đã qua sử dụng hoặc theo yêu cầu của khách hàng.***

##### **2.1.2.2. Những kết quả đạt được trong 3 năm qua.**

Công ty thành lập đến giờ đã được 17 năm. Do ảnh hưởng một phần của nền kinh tế cũng như sự thay đổi hình thức kinh doanh và cơ cấu lại công ty nên trong vài năm gần đây, lợi nhuận đạt được có giảm so với năm trước. Tuy nhiên với sự lãnh đạo sáng suốt của Ban lãnh đạo công ty, công ty nhanh chóng thích nghi với thị trường, bước đầu có những kết quả nhất định trong 3 năm trở lại đây

và đặc biệt là năm 2013. Trình độ quản lý ngày càng nâng cao, được thể hiện qua một số chỉ tiêu về kết quả kinh doanh như sau:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1	Tổng doanh thu	13.049.456.808	7.809.415.321	33.177.006.905
2	Tổng chi phí	11.986.458.525	7.112.390.829	30.662.969.874
3	Tổng LNNT	1.062.998.283	697.024.492	2.514.037.031
4	Thuế TNDN	265.749.571	174.256.123	628.509.258
5	Tổng LNST	797.248.712	522.768.369	1.885.027.773

### 2.1.2.3. Thuận lợi và khó khăn.

#### ❖ *Thuận lợi:*

- Việt Nam là một quốc gia biển, có hơn 3200km đường bờ biển, có một nửa phần biên giới là giáp với biển từ phía đông, nam và tây nam, có hệ thống sông ngòi chằng chịt và phong phú. Vùng biển và thềm lục địa thuộc chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của nước ta rộng gấp ba lần diện tích đất liền, trong đó chứa đựng nhiều tài nguyên và tiềm năng to lớn; lại nằm trong một khu vực quốc tế đang có sự phát triển hết sức sôi động và chứa đựng những nguy cơ, thách thức và rủi ro tiềm tàng. Với kỷ nguyên kinh tế biển, mọi hoạt động giao thương đường biển, dầu khí ngoài khơi, khai thác thủy hải sản, quốc phòng an ninh... đều cần đến ngành đóng tàu.

- Với thế mạnh kinh nghiệm trong nhiều năm, Công ty TNHH Hằng Giang góp phần nâng cao đời sống của người dân trong toàn xã cũng như được đánh giá là doanh nghiệp có thế mạnh.

- Có đội ngũ công nhân viên trẻ năng động, sáng tạo, nhanh chóng nắm bắt và tiếp cận với công nghệ mới, phương pháp mới trong công tác cũng như xây dựng kế hoạch phát triển của công ty.

#### ❖ *Khó khăn:*

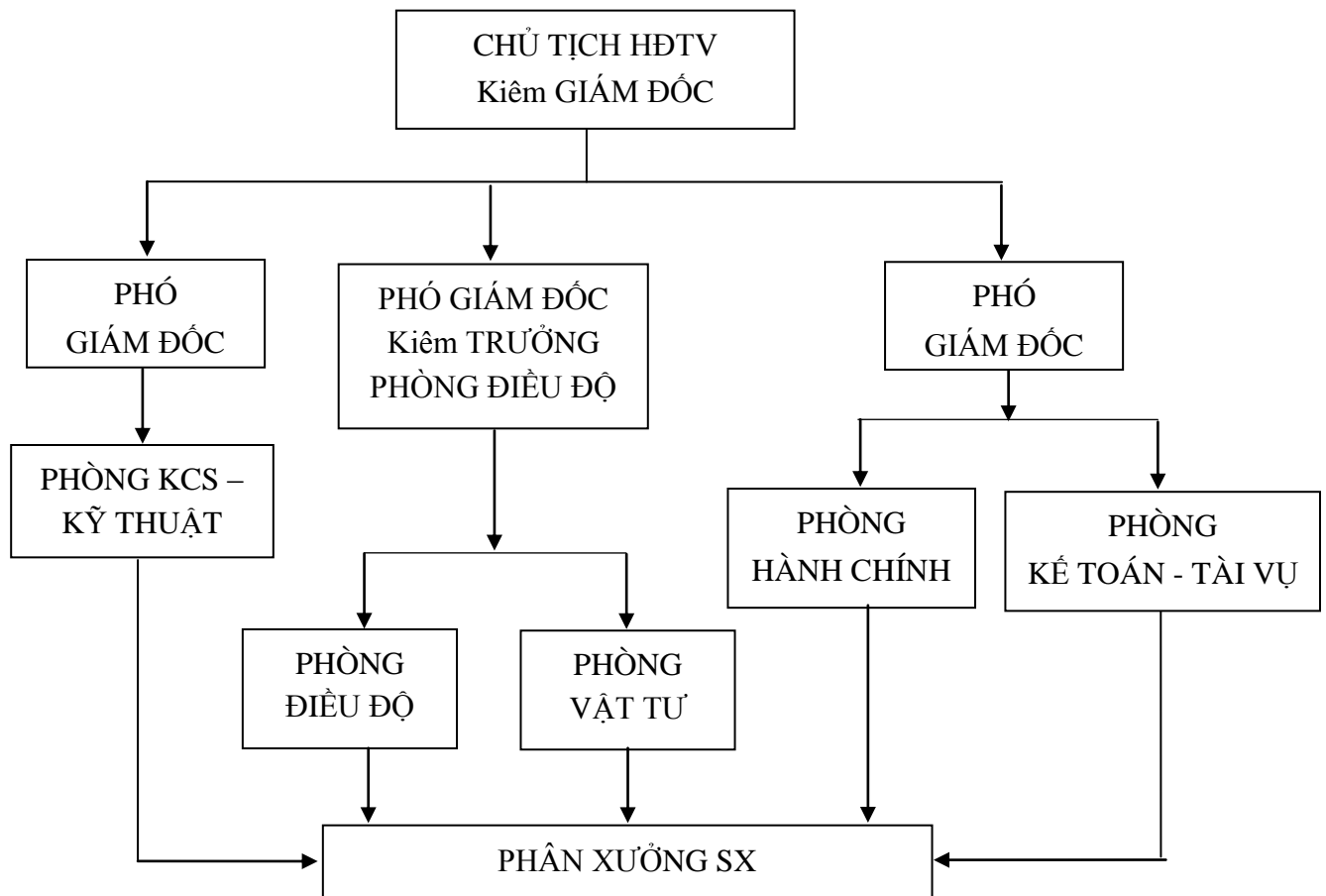
- Bản chất của ngành đóng tàu là mang tính chu kỳ. Các giai đoạn cực thịnh sẽ kèm theo các giai đoạn suy thoái. Không có điều thần kỳ nào có thể giúp ngành này giữ được tốc độ tăng trưởng như những năm vừa qua vì nhu cầu vận tải hàng hóa trên thế giới là có hạn và phụ thuộc vào các diễn biến kinh tế của thế giới.

- Hiện nay, trên địa bàn Hải Phòng có rất nhiều công ty đóng tàu do đó tạo nên sự cạnh tranh rất khốc liệt đối với doanh nghiệp.

- Các ngân hàng đang thắt chặt tín dụng đối với ngành đóng tàu, vì vậy việc huy động được nguồn vốn lớn gặp rất nhiều khó khăn.

- Một khó khăn nữa mà doanh nghiệp gặp phải đó là sự biến động về giá cả nguyên liệu đầu vào đã làm tăng chi phí hoạt động kinh doanh.

**2.1.2.4. Đặc điểm tổ chức quản lý của công ty.**



**Sơ đồ 18: Cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH Hàng Giang.**

❖ Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm Giám đốc công ty: Đứng đầu là giám đốc công ty, người có quyền lãnh đạo cao nhất, trực tiếp chỉ đạo mọi hoạt động của công ty, là người đại diện cho Công ty trước pháp luật.

- ❖ Phó Giám đốc: Gồm 3 phó giám đốc với các nhiệm vụ như sau:
- Phó Giám đốc phụ trách phần kỹ thuật và kiểm tra chất lượng các tàu trước khi xuất bến.
  - Phó giám đốc kiêm trưởng phòng điều độ phụ trách phần điều độ nhân công cùng các vật tư để phục vụ cho việc sửa chữa các tàu.



- Phó giám đốc khối hành chính phụ trách các công tác hành chính và kế toán.

❖ Phòng KCS - kỹ thuật: Tư vấn kỹ thuật sửa chữa các tàu cũng như kiểm tra kỹ thuật và chất lượng sản phẩm các tàu đã sửa chữa trước khi bàn giao cho chủ phương tiện; đảm bảo an ninh trật tự, đảm bảo an toàn cho người và các phương tiện.

❖ Phòng điều độ: Gồm các nhân viên cũng như công nhân của công ty, chuyên trách việc thực hiện các nhiệm vụ sửa chữa cho các tàu của khách hàng.

❖ Phòng vật tư: cung cấp thông tin kinh tế, giá cả thị trường các chủng loại vật tư nguyên vật liệu cho các phòng ban liên quan. Mua sắm, cung cấp vật tư nguyên vật liệu để phục vụ việc sửa chữa tàu.

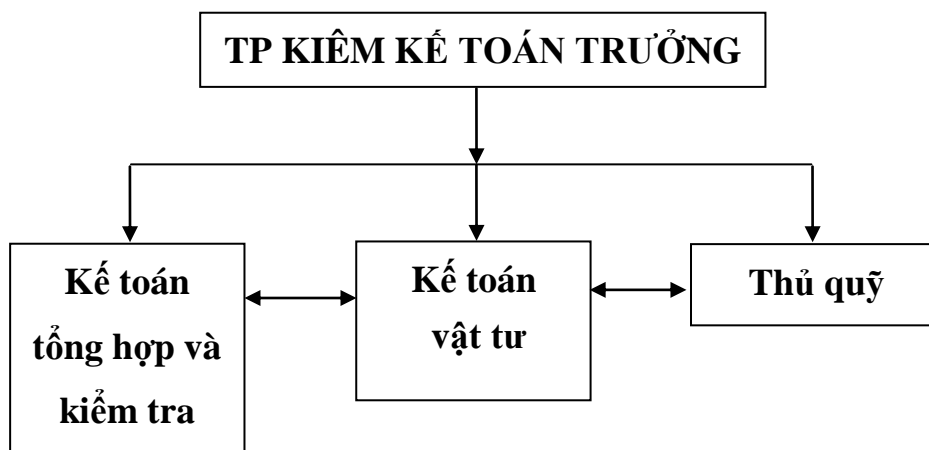
❖ Phòng kế toán - tài vụ: Gồm có một kế toán trưởng, một kế toán viên và một thủ quỹ. Công việc của các nhân viên phòng kế toán sẽ được trình bày cụ thể ở phần mô hình tổ chức kế toán của công ty.

❖ Phòng hành chính: Tham mưu cho giám đốc về việc tổ chức nhân sự, điều chuyển, tiếp nhận hoặc thôi việc của cán bộ công nhân viên, thực hiện các chế độ chính sách do nhà nước quy định cho người lao động, đảm bảo các điều kiện làm việc cho văn phòng công ty...

❖ Phân xưởng sản xuất: Thực hiện các công việc sửa chữa tàu được giao.

### 2.1.2.5. Đặc điểm tổ chức kế toán.

#### 2.1.2.5.1. Mô hình tổ chức kế toán.



Ghi chú:

Mối quan hệ chức năng. ↔

Mối quan hệ trực tuyến. →

**Sơ đồ 19: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty**

❖ Kế toán trưởng: Là người chịu trách nhiệm chung toàn bộ công tác kế toán, giao dịch hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra công việc của các nhân viên trong phòng, chịu trách nhiệm trước ban giám đốc, cơ quan thuế về những thông tin kế toán cung cấp.

❖ Kế toán tổng hợp kiểm tra: Phó phòng kế toán tài chính là người chịu trách nhiệm thực hiện kế toán tổng hợp và cùng với Trưởng phòng kế toán kiểm tra tình hình hạch toán, tình hình tài chính của Công ty. Phó phòng kế toán là người ghi sổ cái, lên bảng cân đối số phát sinh và lập báo cáo kế toán. Giúp việc cho kế toán trưởng, thay mặt kế toán trưởng giải quyết các công việc khi kế toán trưởng đi vắng hoặc kế toán trưởng phân công.

❖ Kế toán vật tư: Theo dõi tình hình nhập xuất tồn vật tư hàng hoá trong kỳ hạch toán, tính giá nhập xuất tồn của vật tư, hàng hoá để ghi vào các chứng từ, sổ sách có liên quan. Hướng dẫn, kiểm tra, đối chiếu với thủ kho về tình hình xuất nhập tồn vật tư, hàng hoá.

❖ Thủ quỹ: Trực tiếp thu - chi tiền mặt, tiếp nhận chứng từ ngân hàng, theo dõi số dư tài khoản tại các ngân hàng.

#### **2.1.2.5.2. Hình thức và chế độ kế toán áp dụng.**

❖ Công ty TNHH Hằng Giang tổ chức kế toán theo mô hình kế toán tập trung, mọi việc kế toán đều được thực hiện tại phòng kế toán tạo điều kiện kiểm tra chỉ đạo các nghiệp vụ và đảm bảo sự kiểm soát tập trung, thống nhất của kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo của Ban giám đốc.

❖ Công ty TNHH Hằng Giang áp dụng chế độ kế toán theo quyết định số 15/2006/QĐ- BTC ban hành ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- ❖ Hình thức kế toán áp dụng: Hình thức Nhật ký chung.
- ❖ Niên độ kế toán công ty áp dụng: Từ 01/01 đến 31/12.
- ❖ Kỳ báo cáo tài chính: 1 năm.
- ❖ Công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- ❖ Công ty trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.
- ❖ Đơn vị tiền tệ hạch toán của công ty là Đồng Việt Nam (đ).
- ❖ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.
- ❖ Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: Phương pháp đích danh.
- ❖ Hệ thống báo cáo tài chính hiện nay của công ty bao gồm:
  - Bảng cân đối kế toán: theo mẫu B01 - DN.
  - Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: theo mẫu B02 - DN.

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: theo mẫu B03 - DN.
- Thuyết minh báo cáo tài chính: theo mẫu B09 - DN.

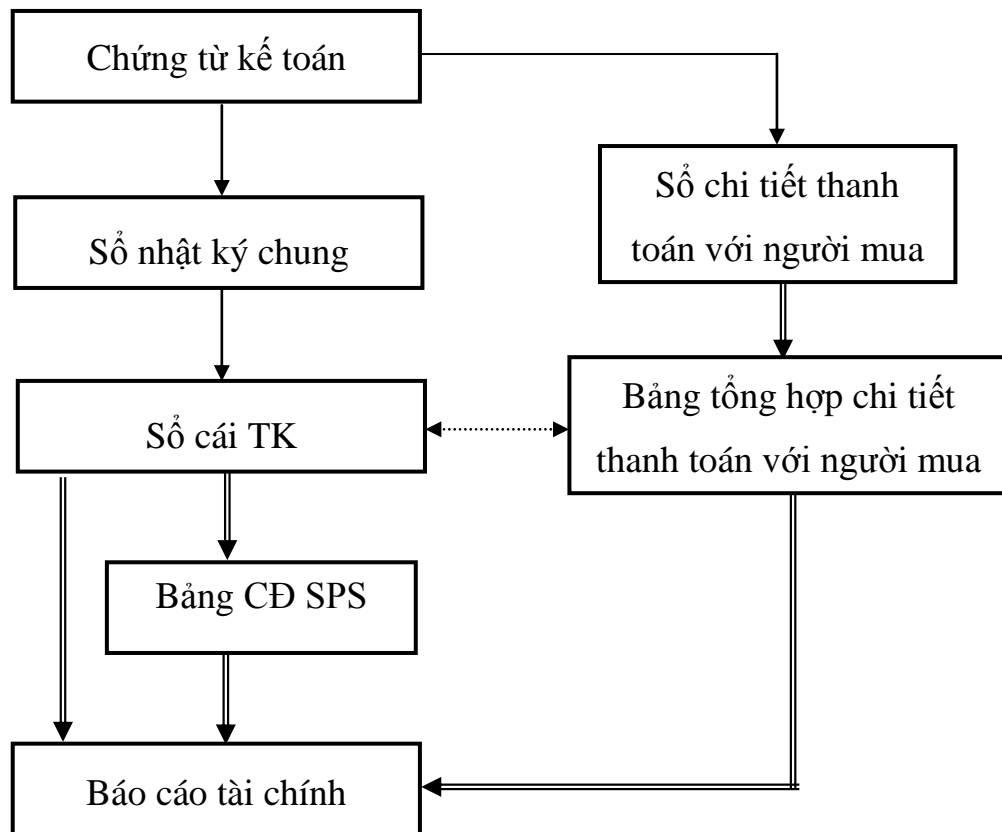
**2.1.2.5.3. Trình tự kế toán ghi sổ theo hình thức nhật ký chung.**

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào sổ Nhật ký chung và các sổ có liên quan. Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần thì được ghi vào sổ tổng hợp, từ đó lấy số liệu tổng hợp ghi vào sổ Nhật ký chung.

- Cuối tháng khoá sổ, tổng hợp các nghiệp vụ và số liệu ghi trên sổ NKC, đối chiếu với bảng tổng hợp liên quan ghi trực tiếp vào Sổ Cái các tài khoản.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm kế toán cộng số liệu trên sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh và Báo cáo tài chính.

**2.1.2.5.4. Quy trình hạch toán**



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

**Sơ đồ 20: Quy trình hạch toán kế toán theo hình thức nhật ký chung của công ty TNHH Hàng Giang**

## 2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HẰNG GIANG.

### 2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

- Doanh thu là tổng các giá trị kinh tế mà công ty thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động kinh doanh góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- Doanh thu bán hàng có thể là thu tiền ngay, cũng có thể chưa thu được (do các thoả thuận về thanh toán bán hàng) nhưng đã được khách hàng chấp thuận thanh toán thì đều được ghi nhận là doanh thu.

- Hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty trong 4 năm trở lại đây là sửa chữa tàu biển và tàu chở hàng thay vì đóng mới như trước kia. Vì vậy, doanh thu của công ty được cấu thành từ việc sửa chữa theo yêu cầu của khách hàng hoặc sửa chữa các tàu cũ để bán lại cho khách hàng có nhu cầu.

➤ **Phương thức bán hàng mà công ty áp dụng:** Hiện tại Công ty đang sử dụng chủ yếu hình thức bán hàng là theo đơn đặt hàng; theo yêu cầu của khách hàng và theo hình thức trực tiếp. Những đơn vị đặt hàng theo chủng loại; kích cỡ và kiểu dáng.

Sau khi, công ty ký hợp đồng với khách hàng đồng thời là phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, khách hàng chấp nhận mua hàng và thanh toán.

Sau khi quyết toán sửa chữa, được chủ tàu và công ty ký xác nhận, phòng kế toán lập hồ sơ quyết toán sửa chữa tàu gồm:

- Báo giá các hạng mục cần sửa chữa.
- Hợp đồng sửa chữa
- Biên bản nghiệm thu bàn giao tàu.
- Quyết toán sửa chữa.

Phòng tài chính kế toán có nhiệm vụ nghiên cứu kỹ điều khoản thanh toán để tạm ứng tiền của chủ phương tiện phục vụ cho việc mua vật tư thiết bị cho sửa chữa. Khi nhận được hồ sơ quyết toán thì lập hoá đơn gửi cho khách hàng và đôn đốc thu tiền theo điều khoản thanh toán khách hàng đã cam kết.

➤ **Phương pháp hạch toán:**

- Hàng ngày, kế toán doanh thu căn cứ vào chứng từ gốc như: Hoá đơn GTGT, phiếu thu, GBC ... kế toán ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng, sổ chi tiết thanh toán

với người mua. Từ sổ Nhật ký chung kế toán, tổng hợp vào sổ cái các TK 111, 112, 131, 511, 632 đồng thời đối chiếu các sổ sách liên quan.

- Căn cứ vào các sổ sách trên, cuối kỳ kế toán trưởng tiến hành đối chiếu và lập Báo cáo tài chính.

#### **2.2.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng.**

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng.
- Hóa đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ: Hóa đơn GTGT. Hoá đơn GTGT bao gồm 3 liên:
  - Liên 1: Lưu tại quyền.
  - Liên 2: Giao cho khách hàng.
  - Liên 3: Luân chuyển nội bộ để ghi sổ kế toán.
- Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng), ... và các chứng từ liên quan khác.

#### **2.2.1.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.**

- ❖ Đề hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, Kế toán sử dụng các tài khoản:
  - TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
  - TK 111, 112: Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng.
  - TK 131: Phải thu khách hàng.
  - TK 3331: Thuế GTGT phải nộp.
- ❖ Sổ sách sử dụng:
  - Sổ Nhật ký chung.
  - Sổ Cái TK 511, 632.
  - Bảng cân đối số phát sinh.

Ví dụ về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

**Ví dụ 01: Ngày 19/07/2013, Công ty thanh quyết toán tiền sửa chữa tàu Hoàng Tuấn 25 của Công ty TNHH Vận tải Hoàng Tuấn với tổng số tiền thanh toán là 330.000.000đ (cả VAT 10%).**

- Sau khi đạt được thỏa thuận về giá cả cũng như các hạng mục sửa chữa thông qua bảng báo giá (Biểu số 1.1) công ty gửi cho công ty TNHH Vận tải Hoàng Tuấn thì hai bên cùng nhau kí kết bản hợp đồng số 791/HĐSC (Biểu số 1.2).


- Đồng nghĩa với việc kí kết hợp đồng, chủ phương tiện phải tạm ứng số tiền cho công ty như đúng cam kết đã được kí. Kế toán nhận được GBC của ngân hàng (Biểu số 1.3 và biểu số 1.4) với tổng trị giá là 50.000.000đ sẽ hạch toán vào sổ nhật ký chung (Biểu số 1.10), đồng thời số tiền đó được ghi vào sổ cái TK 112 và sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng.

- Sau khi sửa chữa xong, hai bên thực hiện nghiệm thu và thanh quyết toán tiền sửa chữa tàu (Biểu số 1.5). Kế toán xuất HĐ GTGT số 394 (Biểu số 1.6) cho công ty TNHH Vận Tải Hoàng Tuấn, đồng thời chủ phương tiện sẽ thanh toán số tiền còn lại theo đúng thỏa thuận của hai bên. Sau đó hai bên sẽ cùng nhau thanh lý hợp đồng (Biểu số 1.7).

- Xuất HĐ GTGT đồng thời kế toán hạch toán vào sổ nhật ký chung (Biểu số 1.10) tháng 07/2013. Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 511 (Biểu số 1.11).

- Cuối kỳ, cộng số liệu lập Bảng CĐ SPS và báo cáo tài chính.

**Biểu số 1.1: Bảng báo giá sửa chữa tàu Hoàng Tuấn 25**

		<p><b>CÔNG TY TNHH HANG GIANG</b>  <i>xã Hợp Thành - Thủy Nguyên - TP Hải Phòng</i>                  Tell : 031.3674844 Fax : 031.3674844                  MST : 0200554277                  Email: hanggiangshipyard2003@gmail.com</p>	
<p><b>BẢNG BÁO GIÁ SỬA CHỮA</b>  <b>Tàu Hoàng Tuấn 25 - 3200 tấn</b></p>			
<p><b><u>Kính gửi:</u></b> CÔNG TY TNHH VẬN TẢI HOÀNG TUẤN                  Địa chỉ: TT Cát Thành - Trục Ninh - Nam Định.                  Công ty TNHH Hàng Giang gửi lời chào trân trọng đến Quý khách hàng và xin chân thành cảm ơn Quý khách đã quan tâm đến công ty chúng tôi.                  Chúng tôi xin gửi tới Quý khách hàng bảng báo đơn giá các hạng mục cần đ- ợc sửa chữa, đại tu nh- sau:</p>			
TT	Hạng mục	ĐVT	Thành tiền
<b>I</b>	<b>PHẦN HỆ TRỤC TRONG ĐÓ GỒM</b>	<b>bộ</b>	
1	Tháo lắp bánh lái		4.000.000đ
2	Tháo lắp chân vịt		4.000.000đ
3	Tháo lắp trục		4.000.000đ
4	Tháo lắp đôi bạc trục		4.000.000đ
<b>II</b>	<b>PHẦN ÂU ĐÀ, BẮN CÁT PHUN SƠN</b>		
1	Ra vào âu (có đầu kéo hỗ trợ)		15.000.000đ
2	Ngày nằm l- u âu	Ngày	1.000.000đ
3	Ngày nằm ngoài cầu cảng	Ngày	200.000đ
4	Điện sinh hoạt	kw	4.000đ
5	Chuyển dịch căn ụ (để bắn cát phun sơn)	l- ợt	4.500.000đ
6	Gõ rĩ (bao gồm sơn 2 nước)	m2	29.000đ
7	Bắn trượt	m <sup>2</sup>	27.000đ
8	Bắn cát sạch	m <sup>2</sup>	37.000đ
9	Bắn cát mặt boong, khoang hàng, boobe ( <i>Gõ rĩ tr- ợt bắn cát</i> )	m <sup>2</sup>	45.000đ
10	Phun sơn	m <sup>2</sup> /lớp	1.500đ
11	Kẻ mớn nước + bộ số, tên tàu		4.500.000đ
12	Công việc tính theo ca hàn (bao gồm vật t- phụ)	ca	600.000đ
13	Vệ sinh môi trường, PCCC, An ninh bến bãi	Tàu	2.000.000đ
14	Tháo lắp vệ sinh 2 van thông biển		1.500.000đ
15	Cạo hà	m2	6.000đ
<p>(Đơn giá trên chưa bao gồm VAT)  <b>Xin chân thành cảm ơn!</b></p>			
<p>Thủy Nguyên, ngày 15 tháng 06 năm 2013                  CÔNG TY TNHH HANG GIANG</p>			



**Biểu số 1.2: Hợp đồng số 1671/HĐSC sửa chữa tàu Hoàng Tuấn 25**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----o0o-----

Hải Phòng, ngày 17 tháng 06 năm 2013

Số: 791/HĐSC

**HỢP ĐỒNG SỬA CHỮA**

Tàu: HOÀNG TUẤN 25 - 3200T

Hợp đồng số: 791/HĐSC

- Căn cứ quy định của Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH ngày 14/06/2005.
- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng thực hiện của hai bên.

Hôm nay, ngày 17 tháng 06 năm 2013. Tại Công ty TNHH Hàng Giang. Chúng tôi gồm có:

**Bên A: (Chủ tài sản)**

- Tên doanh nghiệp : **CÔNG TY TNHH VẬN TẢI HOÀNG TUẤN**
- Địa chỉ: TT Cát Thành - Trục Ninh - Nam Định.
- Điện thoại/Fax : 03503883057/03503944057
- TK: 102010000570266 tại ngân hàng: TMCP công th- ong VN - Tp Nam Định.
- MST: 0600347571
- Đại diện là Ông (bà): **NGUYỄN QUỐC TUÝ** - Chức vụ: Giám đốc

**Bên B: (Nhận sửa chữa)**

- Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY TNHH HÀNG GIANG**
- Địa chỉ: xã Hợp Thành - Thủy Nguyên - Hải Phòng.
- Điện thoại/Fax : 0313. 674 844
- Tài khoản số: 0031000142594 tại ngân hàng: Vietcombank - CN Thủy Nguyên - HP
- MST: 0200554277
- Đại diện là Ông (bà): **DOÃN VĂN GIẢNG** - Chức vụ: Giám đốc

**Hai bên thống nhất thoả thuận nội dung hợp đồng nh- sau:**

**Điều 1: Đối t- ợng hợp đồng**

- 1) Tên loại tàu cần sửa chữa: **Hoàng Tuấn 25**
- 2) Hạng mục sửa chữa như sau:
  - Vào âu đà
  - Bắn cát, phun sơn
  - Thay tôn, ống



- Thi công theo yêu cầu bằng văn bản của bên A.
- Các phát sinh trong khi sửa chữa hai bên cùng thoả thuận cụ thể bằng văn bản và phụ lục hợp đồng kèm theo.

**Điều 2:** Về vật tư

- 1) Bên B có trách nhiệm cung ứng vật tư là tôn và sơn, phụ tùng thay thế nếu có.
- 2) Thời gian cung ứng vật tư bắt đầu khi tàu sửa chữa, thời gian dự kiến tàu vào âu 20/06/2013 đến ngày 20/07/2013. Thời gian sửa chữa dự kiến 30 ngày.

**Điều 3:** Trách nhiệm của mỗi bên

- 1) Trách nhiệm của bên A:
  - Cử cán bộ khảo sát công việc cụ thể trước khi thi công.
  - Cử cán bộ giám sát bên B trong suốt quá trình thi công, sửa chữa, nghiệm thu từng hạng mục sau khi bên B sửa xong.
  - Cung cấp về kinh phí kịp thời cho bên B.
- 2) Trách nhiệm của bên B:
  - Thi công đảm bảo thời gian quy định
  - Trong khi thi công phải đảm bảo an toàn lao động.
  - Đảm bảo chất lượng công việc sửa chữa.
- 3) Nghiệm thu: Đại diện kỹ thuật của hai bên cùng nhau tiến hành nghiệm thu sau khi công việc sửa chữa hoàn thành.

**Điều 4:** Giá cả

- 1) Hai bên thoả thuận giá cả theo báo giá ngày 25/04/2013.
- 2) Khi giá cả thị trường có biến động thì giá cả vật tư và giá ngày công của công nhân kỹ thuật sẽ được tính lại theo mặt bằng giá mới của thị trường vào thời điểm bàn giao nghiệm thu.

**Điều 5:** Thanh toán

- 1) Bên A tạm ứng cho bên B số tiền là: 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng chẵn) sau khi hai bên ký kết hợp đồng và: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng chẵn) sau khi tàu vào âu sửa chữa.
- 2) Bên A sẽ phải thanh toán hết số tiền còn lại khi có biên bản nghiệm thu bàn giao tàu.
- 3) Phương thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản

**Điều 6:** Cam kết chung

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh những thoả thuận đã ghi trong hợp đồng này, không bên nào đơn phương từ bỏ.


Trong quá trình tổ chức thi công hai bên phải cùng nhau bàn bạc tháo gỡ khó khăn trên tinh thần tôn trọng lợi ích của nhau, mỗi tranh chấp được giải quyết trên tinh thần thương lượng, nếu không giải quyết được thì đưa ra Tòa án kinh tế Hải Phòng phân xử.

Hợp đồng được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị như nhau.


**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**Biểu số 1.3: GBC của Ngân hàng Vietcombank về việc tạm ứng tiền sửa chữa tàu Hoàng Tuấn25**

	<b>Vietcombank</b>	<b>GIẤY BÁO CÓ</b>	
	<b>Thủy Nguyên-HP</b>	Ngày 17/06/2013	Mã GDV Mã HSKH 4931407 Số GD:
Kính gửi:	Công ty TNHH Hằng Giang		
MST:	0200554277		
Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của quỹ khách với nội dung như sau:			
Số TK ghi có:	0031000142594		
Số tiền bằng số:	20.000.000		
Số tiền bằng chữ:	Hai mươi triệu đồng chẵn.		
Nội dung:	Công ty TNHH Vận tải Hoàng Tuấn tạm ứng tiền sửa chữa tàu.		
	Giao dịch viên	Kiểm soát	

**Biểu số 1.4: GBC của Ngân hàng Vietcombank về việc tạm ứng tiền sửa chữa tàu Hoàng Tuấn25**

	<b>Vietcombank</b>	<b>GIẤY BÁO CÓ</b>	
	<b>Thủy Nguyên-HP</b>	Ngày 20/06/2013	Mã GDV Mã HSKH 4931407 Số GD:
Kính gửi:	Công ty TNHH Hằng Giang		
MST:	0200554277		
Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của quỹ khách với nội dung như sau:			
Số TK ghi có:	0031000142594		
Số tiền bằng số:	30.000.000		
Số tiền bằng chữ:	Ba mươi triệu đồng chẵn.		
Nội dung:	Công ty TNHH Vận tải Hoàng Tuấn tạm ứng tiền sửa chữa tàu.		
	Giao dịch viên	Kiểm soát	

**Biểu số 1.5: Biên bản nghiệm thu kiểm thanh quyết toán tàu Hoàng Tuấn 25**

CÔNG TY TNHH HẰNG GIANG		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM			
Hợp Thành - Thủy Nguyên - HP		<b>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</b>			
-----***-----					
<i>Hải Phòng, ngày 19 tháng 07 năm 2013</i>					
<b>BIÊN BẢN NGHIỆM THU KIỂM QUYẾT TOÁN TÀU HOÀNG TUẤN 25</b>					
- Căn cứ theo hợp đồng kinh tế số 791/HĐSC ngày 26/04/2013.					
Hôm nay, ngày 19 tháng 07 năm 2013, tại Công ty TNHH HẰNG GIANG, chúng tôi gồm có:					
<b>BÊN A: CÔNG TY TNHH VẠN TẢ HOÀNG TUẤN</b>					
Địa chỉ: TT Cát Thành – Trục Ninh – Nam Định.					
Đại diện: Ông <b>NGUYỄN QUỐC TÚY</b> – Chức vụ: Giám đốc					
<b>BÊN B: CÔNG TY TNHH HẰNG GIANG</b>					
Địa chỉ: xã Hợp Thành – Thủy Nguyên – Hải Phòng.					
Đại diện: Ông <b>DOÃN VĂN GIẢNG</b> - Chức vụ: Giám đốc					
Cùng nhau tiến hành thanh quyết toán tàu Hoàng Tuấn 25 với các nội dung như sau:					
TT	Nội dung	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành Tiền
<b>I</b>	<b>PHẦN HỆ TRỤC</b>				
1	Tháo lắp bánh lái				4.000.000
2	Tháo lắp chân vịt				4.000.000
3	Tháo lắp trục				4.000.000
4	Tháo lắp trục lái trên				3.000.000
<b>II</b>	<b>PHẦN ÂU ĐÀ VÀ PHUN SƠN, BẮN CÁT</b>				
1	Ra vào âu				15.000.000
2	Ngày nằm lưu âu	Ngày	14	1.000.000	14.000.000
3	Ngày nằm ngoài cầu cảng	Ngày	20	200.000	4.000.000
4	Điện sinh hoạt	Số	857	4.000	3.428.000
5	Chuyển dịch căn ụ	Lượt			4.500.000
6	Bắt cát trượt đáy	M2	426	27.000	11.502.000
7	Bắn cát sạch đáy	M2	371	37.000	13.727.000
8	Phun sơn 4 nước	m2/lớp	797	4x1.500	4.782.000
9	Công gỡ rỉ	Công	80.5	170.000	13.685.000

10	Công gỡ rỉ làm trên cao	Công	20.5	200.000	4.100.000
11	Kê mớn nước, bộ số, tên tàu	Tàu			3.500.000
12	Vệ sinh môi trường, PCCC, An ninh khu vực	Tàu			2.632.600
<b>III</b>	<b>PHẦN SẮT HÀN</b>				
1	Cắt thay tôn be chắn sóng, khoán bao gồm vật tư	Kg	320.3	28.000	8.968.400
2	Thay ống cứu hỏa	Kg	1050	31.000	32.550.000
3	Thay lan can mũi cabin	Kg	1150	31.000	35.650.000
4	Thay ống balat	Kg	1440	35.000	50.400.000
5	Thay tôn đáy mạn	Kg	1540	30.000	46.200.000
<b>IV</b>	<b>VẬT TƯ</b>				
1	Ôxy	Chai	25	80.000	2.000.000
2	Gas	Bình	3	520.000	1.560.000
3	Tôn	Kg	650	14.500	9.425.000
4	Que hàn	Kg	35	25.000	875.000
5	Bếp đèn cát	Cái	3	25.000	75.000
6	ống 73	Kg	122	20.000	2.440.000
	<b>CỘNG</b>				<b>300.000.000</b>
	<b>THUẾ VAT</b>				<b>30.000.000</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>330.000.000</b>

(Bằng chữ: Ba trăm ba mươi triệu đồng chẵn)

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

**Biểu số 1.6: Hóa đơn GTGT số 0000394**

<b>HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> (Liên 3: Nội bộ) Ngày 19 tháng 07 năm 2013			Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/11P Số: <b>0000394</b>		
Đơn vị bán hàng: <b>Công ty TNHH Hằng Giang.</b> Địa chỉ: Hợp Thành - Thủy Nguyên - Hải Phòng. Mã số thuế: 0200554277 Điện thoại: 0313.674.844 Số tài khoản: 0031000142594 tại Ngân hàng: Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam Vietcombank - CN Thủy Nguyên					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: <b>Công ty TNHH Vận tải Hoàng Tuấn.</b> Địa chỉ: TT Cát Thành – Trục Ninh – Nam Định. Số tài khoảnTK: 102010000570266 tại ngân hàng: TMCP công th- ong VN - Tp Nam Định. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản      Mã số thuế: 0600347571					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Sửa chữa tàu Hoàng Tuấn 25	Chiếc	1	300.000.000	300.000.000
<b>Cộng tiền hàng:</b> .....					300.000.000
<b>Thuế GTGT: 10%</b> <b>Tiền thuế GTGT:</b> .....					30.000.000
<b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b> .....					330.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm ba mươi triệu đồng chẵn./					

**Người mua hàng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người bán hàng**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 1.7: Biên bản thanh lý hợp đồng tàu Hoàng Tuấn 25**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----\*\*\*-----

*Hải Phòng, ngày 19 tháng 07 năm 2013*

THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Số: 1030/TLHD

**V/v sửa chữa tàu Hoàng Tuấn 25**

- Căn cứ vào hợp đồng số: 791/HĐSC ngày 17 tháng 6 năm 2013 giữa Công ty TNHH Hằng Giang với Công ty TNHH vận tải Hoàng Tuấn
- Căn cứ vào biên bản quyết toán.

*Hôm nay, ngày 19 tháng 07 năm 2013. Tại Công ty TNHH Hằng Giang. Chúng tôi gồm:***BÊN A: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI HOÀNG TUẤN**Đại diện : **(Ông) Nguyễn Quốc Túy** - Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : TT Cát Thành - Trục Ninh - Nam Định.

MST : 0600347571

**BÊN B: CÔNG TY TNHH HẰNG GIANG**Đại diện : **(Ông) Doãn Văn Giảng** - Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : xã Hợp Thành - Thuỷ Nguyên - Hải Phòng.

MST : 0200554277

**Hai bên thống nhất nghiệm thu thanh lý hợp đồng số: 1671/HĐSC ngày 26 tháng 04 năm 2013 với tổng giá trị là: 330.000.000 đ ( Ba trăm ba mươi triệu đồng chẵn./.)**

Số tiền trên đã bao gồm thuế VAT 10%

- Nếu không có việc phát sinh ngoài hợp đồng, hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng kinh tế.
- Hợp đồng hết hiệu lực và được miễn trách nhiệm liên quan khi hai bên đã thanh toán xong.
- Biên bản thanh lý được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN A****ĐẠI DIỆN BÊN B**

**Ví dụ 02: Ngày 25/07/2013, Công ty bàn giao tàu Mary 99 đóng mới trọng tải 2500 tấn cho công ty TNHH VTB Vịnh Hồng Hà với tổng trị giá 15.685.758.000đ (gồm 10% VAT).**

- Sau hợp đồng về việc đóng mới tàu Mary 99 của công ty và công ty TNHH VTB Vịnh Hồng Hà được kí kết ngày 23/08/2011, SH: 24/HĐ, 2 bên sẽ thực hiện các cam kết trong hợp đồng. KH sẽ chuyển tiền t/ư để xác nhận việc đóng mới và khi nhận được số tiền t/ư, công ty tiến hành vào việc đóng mới.

- Ngày 25/07/2013, công ty tổ chức nghiệm thu và lễ bàn giao tàu Mary 99 cho khách hàng (Biểu số 1.8). Kế toán xuất HĐ GTGT số 402 (Biểu số 1.9) gửi khách hàng và hạch toán số liệu vào sổ nhật ký chung (Biểu số 1.10) cũng như sổ chi tiết TK131 (Biểu số 1.12). Căn cứ vào sổ nhật ký chung, kế toán hạch toán vào sổ cái TK511 (Biểu số 1.11). Cuối tháng, kế toán cộng số liệu lập bảng tổng hợp chi tiết TK131 (Biểu số 1.13). Đối chiếu bảng tổng hợp chi tiết và sổ nhật ký chung sau đó lập bảng CD SPS báo cáo tài chính vào cuối kỳ.

**Biểu số 1.8: Biên bản bàn giao tàu Mary 99**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*

===\*\*\*===

**BIÊN BẢN BÀN GIAO**

**Tên sản phẩm: Tàu 2500 tấn - Mary 99**

*Thực hiện hợp đồng kinh tế số 34/2011 ký ngày 14/11/201 giữa công ty CP TNHH Hằng Giang và công ty TNHH VTB Vịnh Hồng Hà v/v đóng mới tàu biển 2.500 tấn-Mary 99.*

*Hôm nay, ngày 25 tháng 07 năm 2013 tại công ty TNHH Hằng Giang gồm có:*

**Bên A: CÔNG TY TNHH Vận tải biển Vịnh Hồng Hà**

- Đại diện là ông: Bùi Ngọc Hồng - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên
- Địa chỉ: Số 275 Khu 3 thị trấn Diêm Điền - Thái Thụy - Thái Bình..

**Bên B: CÔNG TY TNHH HẰNG GIANG**

- Đại diện là ông: Doãn Văn Giảng - Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Hợp Thành - Thủy Nguyên - Hải Phòng.

Cùng nhau lập biên bản bàn giao với nội dung sau:

1. Công ty TNHH Hằng Giang bàn giao cho Công ty TNHH VTB Vịnh Hồng Hà đưa vào sử dụng tàu 2.500 tấn - Mary 99.
2. Tàu Mary 99 được đóng mới theo thiết kế số do đăng kiểm Việt Nam duyệt đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy phạm đóng mới tàu biển vỏ thép hiện hành của Đăng kiểm Việt Nam.
3. Công ty TNHH VTB Vịnh Hồng Hà đã kiểm tra và đồng ý nhận bàn giao tàu Mary 99.

Biên bản được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

**Biểu số 1.9: Hóa đơn GTGT số 0000402**

<b>HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> (Liên 3: Nội bộ) Ngày 25 tháng 07 năm 2013			Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/11P Số: <b>0000402</b>		
Đơn vị bán hàng: <b>Công ty TNHH Hằng Giang.</b> Địa chỉ: Hợp Thành - Thủy Nguyên - Hải Phòng. Mã số thuế: 0200554277 Điện thoại: 0313.674.844 Số tài khoản: 0031000142594 tại Ngân hàng: Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam Vietcombank - CN Thủy Nguyên.					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: <b>Công ty TNHH Vận tải biển Hồng Hà</b> Địa chỉ: Số 275 Khu 3 thị trấn Diêm Điền - Thái Thụy - Thái Bình. Số tài khoảnTK: 102010001558962 tại ngân hàng: TMCP công th-ong VN - CN Thái Bình. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản Mã số thuế: 1000426174					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Tàu Mary 99	chiếc	1	14.259.780.000	14.259.780.000
<b>Cộng tiền hàng:..... 14.259.780.000</b> <b>Thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:..... 1.425.978.000</b> <b>Tổng cộng tiền thanh toán:..... 15.685.758.000</b>					
Số tiền viết bằng chữ: Mười năm tỷ sáu trăm tám năm triệu bảy trăm năm tám nghìn đồng chẵn./.					

**Người mua hàng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người bán hàng**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



**Biểu số 1.10: Trích Sổ Nhật ký chung tháng 07/2013**

**CÔNG TY TNHH HÀNG GIANG**

Hợp Thành - Thủy Nguyên - HP

**Mẫu số S03a - DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 7 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
			Số tháng trước chuyển sang				
			.....			.....	.....
19/07	HĐ 0000394	19/07	Thu tiền sửa chữa tàu Hoàng tuần 25 của công ty Hoàng Tuần	131		50.000.000	
				112		280.000.000	
					511		300.000.000
					3331		30.000.000
			....			....	...
25/07	HĐ 0000402	25/07	Công ty VTB Vĩnh Hồng Hà thanh toán tiền đóng mới tàu Mary 99	131		4.480.000.000	
				112		11.205.758.000	
					511		14.259.780.000
					3331		1.425.978.000
			....			....	.....
25/07	PC551	25/07	Thanh toán tiền mua sơn	152		25.670.000	
				133		2.567.000	
					112		28.237.000
			...			.....	.....
			Cộng SPS			<b><u>135.310.157.879</u></b>	<b><u>135.310.157.879</u></b>

Ngày 31 tháng 07 năm 2013

**Người ghi số**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 1.11: Trích Sổ cái TK 511 tháng 07/2013**

**CÔNG TY TNHH HẰNG GIANG**

**Mẫu số S03b - DN**

Hợp Thành - Thủy Nguyên - HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

**(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)**

Tháng 7 năm 2013

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng			
			SPS trong tháng			
			...			...
11/07	PX 15/07	11/07	Bán sơn cho công ty CP Hợp Tiến Thành	131		30.250.000
			...			...
19/07	HD 0000394	19/07	Công ty Hoàng Tuấn thanh quyết toán tiền sửa chữa tàu	131		50.000.000
				112		280.000.000
			.....			.....
25/07	HD 0000402	25/07	Công ty Vĩnh Hồng Hà thanh toán tiền đóng mời tàu	131		4.480.000.000
				112		11.205.758.000
			.....			.....
31/07	KC 07	31/07	Kết chuyển doanh thu bán hàng	911	19.039.665.417	
			Cộng SPS		<b><u>19.039.665.417</u></b>	<b><u>19.039.665.417</u></b>
			Số dư cuối tháng			

Ngày 31 tháng 07 năm 2013

**Người ghi số**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 1.12: Sổ chi tiết thanh toán với người mua là Công ty TNHH Vận tải biển Vịnh Hồng Hà**

**CÔNG TY TNHH HẰNG GIANG**

Hợp Thành - Thủy Nguyên - HP

**Mẫu số S31 - DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

Tài khoản: Phải thu khách hàng

Số hiệu: 131

Đối tượng: Công ty TNHH Vận tải biển Vịnh Hồng Hà

Tháng 07 năm 2013

*Đơn vị tính: Đồng*

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	T/hạn được CK	SPS		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu tháng						
			SPS trong tháng						
25/07	HĐ 0000402	25/07	Khách hàng còn thiếu tiền đóng mới tàu Mary 99	511		480.000.000		480.000.000	
			Cộng SPS			480.000.000	-		
			<b>Số dư cuối tháng</b>					<b>480.000.000</b>	-

**Người ghi sổ**

*(Ký, họ tên)*

*Ngày 25 tháng 07 năm 2013*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Biểu số 1.13: Bảng tổng hợp chi tiết thanh toán với người mua tháng 7/2013**

**CÔNG TY TNHH HẰNG GIANG**

Hợp Thành - Thủy Nguyên - HP

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

Tài khoản: Phải thu khách hàng

Số hiệu: 131

Tháng 07 năm 2013

*Đơn vị tính: Đồng*

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu tháng		Số phát sinh trong tháng		Số dư cuối tháng	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty TNHH VTB Phú Quý	-		123.558.430	50.000.000	73.558.430	
2	Công ty TNHH MTV Xuân Lâm	245.960.000		-	150.960.000	95.000.000	
3	Công ty TNHH Vận tải Hoàng Tuấn	-		480.000.000		480.000.000	
4	Công ty TNHH Vận tải Hoàng Vũ	73.129.000			73.129.000	-	
	.....	.....		.....	.....	.....	
	<b>Cộng số phát sinh</b>	<b><u>754.436.900</u></b>		<b><u>1.641.325.890</u></b>	<b><u>1.203.737.790</u></b>	<b><u>1.192.025.000</u></b>	

Ngày 31 tháng 07 năm 2013

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

### 2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

Công ty TNHH Hằng Giang không có các khoản giảm trừ doanh thu do:

- Công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thương mại.
- Sản phẩm của công ty không thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB.
- Sản phẩm của công ty chỉ tiêu thụ trong nước nên không chịu thuế XK.
- Công ty không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

### 2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.

- Để tổng hợp giá vốn số hàng đã xuất bán kế toán căn cứ vào số ghi trên bảng tổng hợp giá thành của thành phẩm để xác định giá vốn của thành phẩm đã xuất. Giá vốn của thành phẩm tiêu thụ được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

- Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

#### 2.2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng.

- Hóa đơn mua hàng.
- Bảng tổng hợp giá thành.
- Biên bản bàn giao.
- Bảng tổng hợp quyết toán.

#### 2.2.3.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng.

- TK 154.
- TK 632.
- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái TK 632 và các Tk có liên quan khác.

Ví dụ minh họa về giá vốn hàng bán:

**Ví dụ 03: Ngày 15/07/2013, công ty tập hợp chi phí sửa chữa để tính giá thành tàu Hoàng Tuấn 25.**

- Sau khi việc sửa chữa hoàn thành, kế toán sẽ tiến hành xác định giá vốn sửa chữa của tàu Hoàng Tuấn 25.

- Trong kỳ, kế toán tiến hành tập hợp tất cả các chi phí liên quan đến quá trình sửa chữa tàu Hoàng Tuấn 25 bao chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được lấy từ tổng cộng các nguyên vật liệu sử dụng cho hoạt động sửa chữa tàu trong Bảng tổng hợp chi phí sản phẩm; chi phí nhân công trực tiếp được lấy từ Bảng thanh toán lương hay Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội theo tổ sản xuất sửa chữa tàu Hoàng Tuấn; chi phí sản xuất chung lấy từ Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội, Bảng phân bổ các chi phí. Sau đó, kế toán làm nhiệm vụ tính giá thành sẽ tập hợp lại để tính ra giá thành của tàu.

- Trước tiên, để tính giá vốn kế toán tập hợp hết tất cả chi phí trực tiếp bao gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung để lập bảng giá thành sản phẩm. Dựa vào bảng tổng hợp giá thành sản phẩm (Biểu số 1.14), kế toán hạch toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 1.15) và cái TK 632 (Biểu số 1.16).

- Cuối kỳ, kế toán cộng số liệu lập Bảng CĐ SPS và báo cáo tài chính.

**Ví dụ 04: Ngày 22/07/2013, công ty tập hợp chi phí đóng mới để tính giá thành tàu Mary 99.**

- Cũng giống như việc tính giá thành sửa chữa tàu Hoàng Tuấn, việc tính giá thành đóng mới tàu Mary 99 sẽ được kế toán tổng hợp trong bảng tổng hợp giá thành sản phẩm (Biểu số 1.14) từ khi bắt đầu đóng mới cho đến khi hoàn thành tàu và giao cho khách hàng. Từ đó, kế toán vào sổ nhật ký chung (Biểu số 1.15). Căn cứ vào sổ nhật ký chung để vào sổ cái TK 632 (Biểu số 1.16).

- Cuối kỳ, kế toán cộng số liệu lập Bảng CĐ SPS và báo cáo tài chính.

**Biểu số 1.14: Trích Bảng tổng hợp giá thành sản phẩm tháng 07/2013**

**CÔNG TY TNHH HẰNG GIANG**

Hợp Thành - Thủy Nguyên - HP

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ THÀNH SẢN PHẨM**

**Tháng 07 năm 2013**

*Đơn vị tính: Đồng*

S T T	Mã SP	Tên công ty	Chi phí DD ĐK	Chi phí phát sinh trong kỳ			Cộng chi phí	Giá thành công trình	Chi phí DD CK
				CP NVL	CP nhân công	CP SXC			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	.....	....							;;;
4	Hoàng Tuấn 25	Công ty TNHH Vận tải Hoàng Tuấn		138.934.256	74.329.547	28.327.669	241.591.472	241.591.472	
5	Marry 99	Công ty TNHH VTB Vịnh Hồng Hà		10.149.087.448	2.569.327.160	1.855.625.171	14.574.039.780	14.574.039.780	
		.....	.....						
		<b>Cộng</b>		<b><u>11.040.294.254</u></b>	<b><u>3.089.208.607</u></b>	<b><u>2.219.079.358</u></b>	<b><u>16.348.582.219</u></b>	<b><u>16.348.582.219</u></b>	

Ngày 31 tháng 07 năm 2013

**Người lập biểu**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Biểu số 1.15: Trích Sổ Nhật ký chung tháng 07/2013**

**CÔNG TY TNHH HẰNG GIANG**

**Mẫu số S03a - DN**

Hợp Thành - Thủy Nguyên - HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 07 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
			Số tháng trước chuyển sang				
			.....	.....	.....	.....	.....
17/07	Bảng tính Z	17/07	Giá vốn sửa chữa tàu Hoàng Tuấn 25	632		241.591.472	
					154		241.591.472
			...			...	...
22/07	Bảng tính Z	22/07	Giá vốn đóng mới tàu Marry 99	632		14.574.039.780	
					154		14.574.039.780
19/07	HĐ 0000394	19/07	Thu tiền sửa chữa tàu Hoàng Tuấn 25	131		50.000.000	
				112		280.000.000	
					511		300.000.000
					3331		30.000.000
			.....			.....	.....
25/07	PC551	25/07	Thanh toán tiền mua sơn	152		25.670.000	
				133		2.567.000	
					112		28.237.000
			...				
			Cộng SPS			<b><u>135.310.157.879</u></b>	<b><u>135.310.157.879</u></b>

Ngày 31 tháng 07 năm 2013

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)



**Biểu số 1.16: Trích Sổ cái TK 632 tháng 07/2013**

**CÔNG TY TNHH HẰNG GIANG**

**Mẫu số S03b - DN**

Hợp Thành - Thủy Nguyên - HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

*(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)*

Tháng 7 năm 2013

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu tháng		-	-
			SPS trong tháng			
			...		.....	.....
17/07	Bảng tính Z	17/07	Giá vốn sửa chữa tàu Hoàng Tuấn 25	154	221.591.472	
			....		.....	
22/07	Bảng tính Z	22/07	Giá vốn đóng mới tàu Marry 99	154	14.574.039.780	
			....			
31/07	KC07	31/07	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		16.148.582.219
			Cộng SPS		<b><u>16.348.582.219</u></b>	<b><u>16.348.582.219</u></b>
			Số dư cuối tháng			

Ngày 31 tháng 07 năm 2013

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

#### **2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.**

- Nhân viên phòng kế toán vừa làm công tác kế toán vừa làm công tác bán hàng.

- Các chi phí phát sinh không có căn cứ rõ ràng để phân bổ thành chi phí bán hàng hay chi phí quản lý doanh nghiệp. Vì thế công ty không tiến hành phân bổ chi phí bán hàng mà tính cộng vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Việc không phân bổ chi phí bán hàng và chi phí QLDN không làm thay đổi kết quả sản xuất kinh doanh của công ty và nghĩa vụ của công ty đối với Nhà nước.

- *Chi phí quản lý doanh nghiệp* là những khoản chi phí có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng ra được cho bất kỳ một hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm nhiều loại, như chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí chung khác.

##### **2.2.4.1. Chứng từ kế toán kế toán sử dụng:**

- Phiếu chi.
- Hoá đơn GTGT.
- Bảng phân bổ khấu hao, bảng thanh toán lương,....

##### **2.2.4.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng:**

- TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Các tài khoản liên quan: TK 111, 112, 131, 133,...
- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 642 và các sổ sách có liên quan..


Ví dụ minh họa về chi phí quản lý doanh nghiệp:

**Ví dụ 05: Ngày 10/07/2013, công ty thanh toán tiền điện 06 phục vụ quản lý bằng chuyển khoản với số tiền thanh toán 156.157.937 VND (gồm VAT 10%).**

- Khi kế toán nhận được hóa đơn tiền điện, làm thủ tục ủy nhiệm cho ngân hàng thanh toán khoản tiền trên bằng cách viết giấy UNC. Sau khi ngân hàng thực hiện hoạt động chi tiền và gửi GBN (Biểu số 1.17) về cho công ty, kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 1.20). Đồng thời lấy số liệu đó ghi sang sổ cái TK 642 (Biểu số 1.21), Sổ cái TK112 và sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng để theo dõi đối chiếu.

- Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào các số liệu trên để lập bảng cân đối SPS và báo cáo tài chính.

**Biểu số 1.17: GBN của Vietcombank về việc chi tiền điện tháng 06**

		<b>GIẤY BÁO</b>	
	<b>Vietcombank</b>	<b>NỢ</b>	Mã GDV
	<b>Thủy Nguyên-HP</b>	Ngày	
		10/07/2013	
			Mã HSKH
			Số GD:
Kính gửi:	Công ty TNHH Hằng Giang		
MST	0200554277		
Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách với nội dung như sau:			
Số TK ghi có:	0031000142594		
Số tiền bằng số:	156.157.937		
Số tiền bằng chữ:	Một trăm năm sáu triệu một trăm năm bảy nghìn chín trăm ba bảy đồng.		
Nội dung:	Thanh toán tiền điện cho công ty điện lực hải phòng		
	Giao dịch viên	Kiểm soát	

**Ví dụ 06: Ngày 16/07/2013, ông Bùi Văn Ba thanh toán tiền tiếp khách bằng tiền mặt, số tiền 4.400.000đ (gồm VAT 10%).**

- Sau khi nhận được HĐ GTGT (Biểu số 1.18) do ông Bùi Văn Ba đưa lên, kế toán viết phiếu chi (Biểu số 1.19) thanh toán khoản tiền chi tiếp khách trong hóa đơn. Từ đó, kế toán hạch toán vào sổ nhật ký chung (Biểu số 1.20). Đồng thời ghi sang sổ cái TK 642 (Biểu số 1.21).

- Cuối kỳ, kế toán cộng số liệu để lập bảng CĐ SPS và báo cáo tài chính.

**Biểu số 1.18: Hóa đơn GTGT số 0002818 của Nhà hàng Tuấn Bảo**

<b>HOÁ ĐƠN GTGT</b>			Mẫu số: 01GTKT3/001		
Liên 2: Giao khách hàng			Ký hiệu: AA/13P		
Ngày 13 tháng 07 năm 2013			Số: 0002818		
Đơn vị bán hàng: <b>Nhà hàng Tuấn Bảo</b>					
Địa chỉ: Thủy Sơn - Thủy Nguyên - Hải Phòng.					
Mã số thuế: ..... Điện thoại: 0912.086.886					
Số tài khoản: ..... Ngân hàng: .....					
Họ tên người mua hàng: Đỗ Văn Ba.					
Tên đơn vị: <b>Công ty TNHH Hằng Giang.</b>					
Địa chỉ: Hợp Thành - Thủy Nguyên - Hải Phòng.					
Số tài khoản: ..... Ngân hàng: .....					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt. Mã số thuế: 0200554277					
S TT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6=4x5</b>
01	Ăn uống	Suất	5	800.000	4.000.000
Cộng tiền hàng:.....					4.000.000
Thuế suất GTGT:10%					Tiền thuế GTGT:..... 400.000
					Tổng cộng tiền thanh toán:..... 4.400.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn./.</i>					

**Người mua hàng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người bán hàng**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 1.19: Phiếu chi số 504 ngày 16/07/2013**

<b>CÔNG TY TNHH HẰNG GIANG</b>	<b>Mẫu số 02 -TT</b>			
Hợp Thành - Thủy Nguyên - HP	(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)			
<b>PHIẾU CHI</b>				
<i>Ngày 16 tháng 07 năm 2013</i>				
	Quyển: 11			
	Số: 504			
	Nợ: TK 642			
	Nợ: TK 133			
	Có: TK 111			
Người nhận tiền: <b>Bùi Văn Hà.</b>				
Địa chỉ: Văn phòng.				
Lý do chi: Thanh toán tiền tiếp khách.				
Số tiền: 4.400.000. (Viết bằng chữ): <b>Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn.</b>				
Kèm theo: 01 chứng từ gốc: Hoá đơn GTGT0002818.				
<i>Ngày 16 tháng 07 năm 2013</i>				
Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

**Biểu số 1.20: Trích Sổ Nhật ký chung tháng 07/2013**

**CÔNG TY TNHH HÀNG GIANG**

Hợp Thành - Thủy Nguyên - HP

**Mẫu số S03a - DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 07 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
			Số tháng trước chuyển sang				
			.....			.....	....
10/07	GBN	10/07	Thanh toán tiền điện tháng 6	642		60.143.579	
				133		6.014.357,9	
					112		66.157.937
			.....			.....	.....
19/07	HĐ 0000394	19/07	Thu tiền sửa chữa tàu Hoàng Tuấn 25	131		50.000.000	
				112		280.000.000	
					511		300.000.000
					3331		30.000.000
			...			.....	.....
16/07	PC504	16/07	Thanh toán tiền tiếp khách	642		4.000.000	
				133		400.000	
					111		4.400.000
			.....			.....	.....
23/07	GBC	23/07	NH Vietcombank trả lãi tiền gửi	112		1.332.591	
					515		1.332.591
			.....			.....	.....
			Cộng SPS			<b><u>135.310.157.879</u></b>	<b><u>135.310.157.879</u></b>

Ngày 31 tháng 07 năm 2013

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 1.21: Trích Sổ cái TK 642 tháng 07/2013**

**CÔNG TY TNHH HÀNG GIANG**

Hợp Thành - Thủy Nguyên - HP

**Mẫu số S03b - DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

*(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)*

Tháng 07 năm 2013

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu tháng		-	-
			SPS trong tháng			
			...		...	
08/07	PC497	08/07	Thanh toán tiền mực in và giấy in cho BP QLDN	111	957.000	
			.....		....	
10/07	GBN	10/07	Thanh toán tiền điện T6	112	156.157.937	
			.....		...	
16/07	PC504	16/07	Thanh toán tiền tiếp khách	111	4.400.000	
			...		...	
31/07	KC07	31/07	Kết chuyển chi phí QLDN	911		187.358.923
			Cộng SPS		<b><u>197.358.923</u></b>	<b><u>197.358.923</u></b>
			SDCK			

Ngày 31 tháng 07 năm 2013

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

## **2.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.**

### **2.2.5.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.**

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty TNHH Hằng Giang bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng và lãi chậm trả của khách hàng.

#### **2.2.5.1.1. Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Giấy báo Có của ngân hàng.

#### **2.2.5.1.2. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng:**

- Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính.
- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái TK 515 và các sổ sách liên quan khác.

#### **2.2.5.1.3. Quy trình hạch toán**

Căn cứ vào giấy báo Có của ngân hàng kế toán tiến hành vào sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 515, TK 112. Cuối kỳ kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

### **2.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.**

Chi phí hoạt động tài chính của công ty là chi phí lãi vay.

#### **2.2.5.2.1 Chứng từ kế toán sử dụng**

- Giấy báo Nợ của ngân hàng.

#### **2.2.5.2.2. Tài khoản và sổ sách sử dụng:**

- Tài khoản 635 - Chi phí tài chính.
- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái TK 635 và các sổ sách liên quan khác.

#### **2.2.5.2.3. Quy trình hạch toán.**

Căn cứ vào giấy báo Có của ngân hàng kế toán tiến hành vào sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 635, TK 112. Cuối kỳ kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.




Ví dụ minh họa về doanh thu hoạt động tài chính:

**Ví dụ 07: Ngày 23/07/2013 nhập lãi tiền gửi Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Vietcombank là 1.332.591đ.**

- Khi nhận được GBC (Biểu số 1.22) của ngân hàng thông báo về lãi TGNH, kế toán căn cứ vào GBC hạch toán vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 1.24), sau đó tập hợp số liệu để vào sổ cái TK 515 (Biểu số 1.25). Đồng thời ghi chép vào sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng với nghiệp vụ phát sinh trên.

- Cuối kỳ, kế toán cộng số liệu để lập bảng CĐ SPS và báo cáo tài chính.

**Biểu số 1.22: GBC của ngân hàng thông báo về việc lãi TGNH**

	<b>Vietcombank</b>	<b>GIẤY BÁO CÓ</b>	Mã GDV
	<b>Thủy Nguyên-HP</b>	Ngày 23/07/2013	Mã HSKH Số GD:
Kính gửi:	Công ty TNHH Hằng Giang		
MST	0200554277		
Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:			
Số TK ghi có:	0031000142594		
Số tiền bằng số:	1.332.591		
Số tiền bằng chữ:	Một triệu ba trăm ba mươi hai nghìn năm trăm chín một nghìn đồng.		
Nội dung:	Lãi tiền gửi ngân hàng tháng 07.		
	Giao dịch viên	Kiểm soát	


Ví dụ minh họa về chi phí tài chính:

**Ví dụ 08: Ngày 19/07/2013, Ngân hàng Vietcombank gửi giấy báo nợ về lãi tiền vay của công ty với số tiền là 4.413.645đ.**

- Khi nhận được GBN (Biểu số 1.23) của ngân hàng thông báo về lãi TGNH, kế toán căn cứ vào GBN hạch toán vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 1.24), sau đó tập hợp số liệu để vào sổ cái TK 635 (Biểu số 1.26). Đồng thời ghi chép vào sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng với nghiệp vụ phát sinh trên.

- Cuối kỳ, kế toán cộng số liệu để lập bảng CĐ SPS và báo cáo tài chính.

**Biểu số 1.23: GBN của ngân hàng thông báo về việc thu lãi tiền vay NH**

	<b>Vietcombank</b>	<b>GIẤY BÁO NỢ</b>	Mã GDV
	<b>Thủy Nguyên - HP</b>	Ngày 19/07/2013	Mã HSKH Số GD:
Kính gửi:	Công ty TNHH Hằng Giang		
MST	0200554277		
Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách với nội dung như sau:			
Số TK ghi có:	0031000142594		
Số tiền bằng số:	4.413.645		
Số tiền bằng chữ:	Bốn triệu bốn trăm mười ba nghìn sáu trăm bốn năm đồng.		
Nội dung:	Thu lãi tiền vay của công ty TNHH Hằng Giang tháng 07.		
	Giao dịch viên	Kiểm soát	

**Biểu số 1.24: Trích Sổ Nhật ký chung tháng 07/2013**

**CÔNG TY TNHH HÀNG GIANG**

Hợp Thành - Thủy Nguyên - HP

**Mẫu số S03a - DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 07 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
			Số tháng trước chuyển sang				
			.....			.....	....
19/07	HĐ 0000394	19/07	Thu tiền sửa chữa tàu Hoàng Tuấn 25	131		50.000.000	
				112		280.000.000	
					511		300.000.000
					3331		30.000.000
			.....			.....	....
19/07	GBN	19/07	NH Vietcombank thu lãi tiền vay	635		4.413.645	
					112		4.413.645
			....			.....	.....
23/07	GBC	23/07	NH Vietcombank trả lãi tiền gửi	112		1.332.591	
					515		1.332.591
25/07	PC551	25/07	Thanh toán tiền mua sơn	152		15.670.000	
				133		1.567.000	
					111		17.237.000
			.....			.....	....
			Cộng SPS			<b><u>135.310.157.879</u></b>	<b><u>135.310.157.879</u></b>

Ngày 31 tháng 07 năm 2013

**Người ghi số**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 1.25: Trích Sổ cái TK 515 tháng 07/2013**

**CÔNG TY TNHH HÀNG GIANG**

Hợp Thành - Thủy Nguyên - HP

**Mẫu số S03b - DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

*(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)*

Tháng 07 năm 2013

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu tháng		-	-
			SPS trong tháng			
23/07	GBC	23/07	Nhập lãi tiền gửi tháng 7	112		1.332.591
31/07	KC07	31/07	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	1.332.591	
			Cộng SPS		<b><u>1.332.591</u></b>	<b><u>1.332.591</u></b>
			SDĐK			

Ngày 31 tháng 07 năm 2013

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 1.26: Trích Sổ cái TK 635 tháng 07/2013****CÔNG TY TNHH HẰNG GIANG**

Hợp Thành - Thủy Nguyên - HP

**Mẫu số S03b - DN**(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**SỔ CÁI***(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)*

Tháng 07 năm 2013

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu tháng		-	-
			SPS trong tháng			
19/07	GBC	19/07	NH thu lãi tiền vay tháng 7	112	4.413.645	
31/07	KC07	31/07	Kết chuyển chi phí tài chính	911		4.413.645
			Cộng SPS		<b><u>4.413.645</u></b>	<b><u>4.413.645</u></b>
			SDDK			

Ngày 31 tháng 07 năm 2013

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

## 2.2.6. Kế toán thu nhập khác, chi phí khác.

### 2.2.6.1. Kế toán thu nhập khác.

#### 2.2.6.1.1. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng:

- TK 711: Thu nhập khác.
- Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 711 và các sổ sách có liên quan.

#### 2.2.6.1.2. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán.
- Phiếu thu.

#### 2.2.6.1.3. Nội dung thu nhập khác tại công ty:

- Thu do thanh lý TSCĐ, thu cho thuê kho, thu do bán phế liệu, xử lý công nợ.

### 2.2.6.2. Kế toán chi phí khác.

#### 2.2.6.2.1. Tài khoản và sổ sách kế toán sử dụng:

- TK 811: Chi phí khác.
- Sổ nhật ký chung, Sổ cái TK 811 và các sổ sách có liên quan.

#### 2.2.6.2.2. Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán.
- Phiếu chi.

#### 2.2.6.2.3. Nội dung chi phí khác tại công ty:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý và nhượng bán TSCĐ. Các khoản chi phí khác.

Ví dụ minh họa về doanh thi, chi phí khác:

**Ví dụ 09: Ngày 11/07/2013, công ty bán tôn vụn phế phẩm là 4.831.000đ cho công ty CP Hợp Tiến Thành (VAT 10%), trong đó chi phí vận chuyển phế liệu là 220.000đ ( VAT 10%) thanh toán bằng tiền mặt.**

- Sau khi công ty thực hiện xong hoạt động thanh lý, kế toán viết phiếu thu thu (Biểu số 1.27) số tiền bán phế phẩm, đồng thời viết phiếu chi (Biểu số 1.28) thanh toán việc vận chuyển phế phẩm từ việc bán đó.

- Căn cứ vào PT và PC trên, kế toán hạch toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 1.29), tiếp đến là sổ cái các TK 711 (Biểu số 1.30), 811 (Biểu số 1.29).

- Cuối kỳ, kế toán cộng số liệu bảng cân đối SPS và báo cáo tài chính.

**Biểu số 1.27: Phiếu thu số 329 ngày 11/07/2013**

<b>CÔNG TY TNHH HẰNG GIANG</b>		<b>Mẫu số 01 - TT</b>		
Hợp Thành - Thủy Nguyên - Hải Phòng		(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)		
<b>PHIẾU THU</b>				
Ngày 11 tháng 07 năm 2013				
		Quyển số: 5		
		Số: 229		
		Nợ: TK 111		
		Có: TK 711		
		Có: TK 3331		
Họ và tên người nộp tiền: <b>Phạm Văn Ba.</b>		- Địa chỉ: Phân xưởng sản xuất.		
Lý do nộp: Thu tiền bán tôn phế liệu.				
Số tiền: 4.831.200 (viết bằng chữ): <b>Bốn triệu tám trăm ba một nghìn hai trăm đồng chẵn.</b>				
Kèm theo: 01 chứng từ gốc.				
Ngày 11 tháng 07 năm 2013				
Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nộp tiền	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

**Biểu số 1.28: Phiếu chi số 509 ngày 11/07/2013**

<b>CÔNG TY TNHH HẰNG GIANG</b>		<b>Mẫu số 02 - TT</b>		
Hợp Thành - Thủy Nguyên - HP		(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)		
<b>PHIẾU CHI</b>				
Ngày 11 tháng 07 năm 2013				
		Quyển số: 11		
		Số: 509		
		Nợ: TK 811		
		Nợ: TK 133		
		Có: TK 111		
Người nhận tiền: <b>Vũ Văn Anh.</b>		- Địa chỉ: Lái xe.		
Lý do chi: Thanh toán tiền vận chuyển phế phẩm.				
Số tiền: 220.000. (Viết bằng chữ): <b>Hai trăm hai mươi nghìn đồng chẵn.</b>				
Kèm theo: 01 chứng từ gốc.				
Ngày 11 tháng 07 năm 2013				
Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

**Biểu số 1.29: Trích Sổ Nhật ký chung tháng 07/2013**

**CÔNG TY TNHH HẰNG GIANG**

Hợp Thành - Thủy Nguyên - HP

**Mẫu số S03a - DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 07 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
			Số tháng trước chuyển sang				
			.....			.....	.....
11/07	PT229	11/07	Thu tiền bán tôn phế liệu	111		4.831.200	
					711		4.392.000
					3331		439.200
11/07	PC509	11/07	Chi tiền vận chuyển phế phẩm	811		200.000	
					133		20.000
					111		220.000
			.....			.....	.....
19/07	HĐ 0000394	19/07	Thu tiền sửa chữa tàu Hoàng Tuấn 25	131		50.000.000	
					112		280.000.000
					511		300.000.000
					3331		30.000.000
			.....			.....	.....
25/07	PC551	25/07	Thanh toán tiền mua sơn	152		15.670.000	
					133		1.567.000
					111		17.237.000
			.....			.....	.....
			Cộng SPS			<b><u>135.310.157.879</u></b>	<b><u>135.310.157.879</u></b>

31 tháng 07 năm 2013

**Người ghi số**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)



**Biểu số 1.30: Trích Sổ cái TK 711 tháng 07/2013**

**CÔNG TY TNHH HẰNG GIANG**

Hợp Thành - Thủy Nguyên - HP

**Mẫu số S03b - DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

*(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)*

Tháng 07 năm 2013

Tên tài khoản: Thu nhập khác

Số hiệu: 711

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu tháng		-	-
			SPS trong tháng			
			...		...	
11/07	PT329	11/07	Thu tiền bán tôn phế liệu	111	4.831.200	
			.....		.....	
31/07	KC07	31/07	Kết chuyển thu nhập khác	911		15.137.209
			Cộng SPS		<b><u>15.137.209</u></b>	<b><u>15.137.209</u></b>
			Số dư cuối tháng			

Ngày 31 tháng 07 năm 2013

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 1.31: Trích sổ cái TK 811 tháng 07/2013**

**CÔNG TY TNHH HÀNG GIANG**

Hợp Thành - Thủy Nguyên - HP

**Mẫu số S03b - DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

*(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)*

Tháng 07 năm 2013

Tên tài khoản: Chi phí khác

Số hiệu: 811

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu tháng		-	-
			SPS trong tháng			
			...		...	
11/07	PC509	11/07	Chi tiền vận chuyển phế phẩm	111	200.000	
			.....		.....	
31/07	KC07	31/07	Kết chuyển chi phí khác	911		14.945.700
			Cộng SPS		<b><u>14.945.700</u></b>	<b><u>14.945.700</u></b>
			Số dư cuối tháng			

Ngày 31 tháng 07 năm 2013

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.****2.2.7.1. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.**

Công ty TNHH TM và DVKT Hoàng Gia xác định kết quả kinh doanh vào cuối kỳ kế toán. Công thức xác định kết quả kinh doanh của công ty:

$$\text{Kết quả kinh doanh} = \text{Kết quả hoạt động kinh doanh} + \text{Kết quả hoạt động tài chính} + \text{Kết quả hoạt động khác}$$

Trong đó:

❖ Kết quả hoạt động kinh doanh:

$$\text{Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh} = \text{Lợi nhuận gộp} + \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp}$$

$$\text{Lợi nhuận gộp} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

❖ Kết quả hoạt động tài chính:

$$\text{Lợi nhuận hoạt động tài chính} = \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính}$$

❖ Kết quả hoạt động khác:

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

Từ các công thức trên và số liệu được tổng hợp, Kế toán tính và xác định kết quả kinh doanh, kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Hằng Giang tháng 07 năm 2013:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	18.045.319.991
- Các khoản giảm trừ doanh thu	=	0
- Doanh thu thuần	=	18.045.319.991
- Giá vốn hàng bán	=	16.348.582.219
- Lợi nhuận gộp	=	1.696.737.772
- Doanh thu hoạt động tài chính	=	1.332.591
- Chi phí tài chính	=	4.413.645
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	=	207.358.923
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	=	1.486.297.795
- Thu nhập khác	=	15.137.209
- Chi phí khác	=	14.945.700
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	=	1.486.489.304
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	=	371.622.326
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	=	1.114.866.978

#### **2.2.7.2. Chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán sử dụng.**

- ❖ Chứng từ sử dụng: Phiếu kế toán.
- ❖ Tài khoản sử dụng :
  - TK 911- Xác định kết quả kinh doanh.
  - TK 8211- Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
  - TK 4212- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.
  - Các TK liên quan khác
- ❖ Sổ sách kế toán sử dụng:
  - Sổ Nhật ký chung.
  - Sổ Cái TK 911, 8211, 4212.....

**Biểu số 1.32: Phiếu kế toán số 05/07**

Đơn vị: Công ty TNHH Hằng Giang Địa chỉ: Hợp Thành - Thủy Nguyên - Hải Phòng <b>PHIẾU KẾ TOÁN</b> Ngày 31 tháng 07 năm 2013 Số: 05/07 ĐVT: Đồng				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	K/c doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	18.028.850.191
2	K/c doanh thu hoạt động tài chính	515	911	1.332.591
3	K/c thu nhập khác	711	911	15.137.209
	<b>Cộng</b>			<b>18.045.319.991</b>
<b>Người lập</b>		<b>KT trưởng</b>		

**Biểu số 1.33: Phiếu kế toán số 06/07**

Đơn vị: Công ty TNHH Hằng Giang Địa chỉ: Hợp Thành - Thủy Nguyên - Hải Phòng <b>PHIẾU KẾ TOÁN</b> Ngày 31 tháng 07 năm 2013 Số: 06/07 ĐVT: Đồng				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	17.342.927.645
2	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	4.413.645
3	Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	207.358.923
4	Kết chuyển chi phí khác	911	811	14.945.700
	<b>Cộng</b>			<b>17.569.645.913</b>
<b>Người lập</b>		<b>KT trưởng</b>		

**Biểu số 1.34: Phiếu kế toán số 06/07**

Đơn vị: Công ty TNHH Hằng Giang Địa chỉ: Hợp Thành - Thủy Nguyên - Hải Phòng <b>PHIẾU KẾ TOÁN</b> Ngày 31 tháng 07 năm 2013 Số: 07/07 ĐVT: Đồng				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Xác định thuế TNDN	8211	3334	371.622.326
	<b>Cộng</b>			<b>371.622.326</b>
Người lập		KT trưởng		

**Biểu số 1.35: Phiếu kế toán số 08/07**

Đơn vị: Công ty TNHH Hằng Giang Địa chỉ: Hợp Thành - Thủy Nguyên - Hải Phòng <b>PHIẾU KẾ TOÁN</b> Ngày 31 tháng 07 năm 2013 Số: 08/07 ĐVT: Đồng				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển thuế TNDN	911	8211	371.622.326
	<b>Cộng</b>			<b>371.622.326</b>
Người lập		KT trưởng		

**Biểu số 1.36: Phiếu kế toán số 09/07**

Đơn vị: Công ty TNHH Hằng Giang Địa chỉ: Hợp Thành - Thủy Nguyên - Hải Phòng <b>PHIẾU KẾ TOÁN</b> Ngày 31 tháng 12 năm 2013 Số: 09/07 ĐVT: Đồng				
STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	4212	1.114.866.978
	<b>Cộng</b>			<b>1.114.866.978</b>
Người lập		KT trưởng		

**Biểu số 1.37: Trích Sổ Nhật ký chung tháng 07/2013**

**CÔNG TY TNHH HÀNG GIANG**

Hợp Thành - Thủy Nguyên - HP

**Mẫu số S03a - DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 07 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
			Số tháng trước chuyển sang				
			.....	.....	.....	.....	.....
31/07	PKT 05/07	31/07	Kết chuyển doanh thu	511		18.028.850.191	
				515		1.332.591	
				711		15.137.209	
					911		18.045.850.191
31/07	PKT 06/07	31/07	Kết chuyển chi phí	911		17.569.645.913	
					632		17.342.927.645
					635		4.413.645
					642		207.358.923
					811		14.945.700
31/07	PKT 07/07	31/07	Xác định thuế TNDN	8211		371.622.326	
					3334		371.622.326
31/07	PKT 08/07	31/07	K/c Thuế TNDN	911		371.622.326	
					8211		371.622.326
31/07	PKT 09/07	31/07	K/c lợi nhuận sau thuế	911		1.114.866.978	
					4212		1.114.866.978
			Cộng SPS			<b><u>135.310.157.879</u></b>	<b><u>135.310.157.879</u></b>

Ngày 31 tháng 07 năm 2013

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 1.38: Trích Sổ cái TK 911 tháng 07/2013**

**CÔNG TY TNHH HÀNG GIANG**

Hợp Thành - Thủy Nguyên - HP

**Mẫu số S03b - DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

*(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)*

Tháng 07 năm 2013

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu tháng			
			SPS trong tháng			
31/07	PKT 05/07	31/07	K/c DTBH và CCDV	511		18.028.850.191
31/07	PKT 05/07	31/07	K/c doanh thu HĐTC	515		1.332.591
31/07	PKT 05/07	31/07	K/c doanh thu khác	711		15.137.209
31/07	PKT 06/07	31/07	K/c giá vốn hàng bán	632	16.348.582.219	
31/07	PKT 06/07	31/07	K/c CP tài chính	635	4.413.645	
31/07	PKT 06/07	31/07	K/c CP QLDN	642	207.358.923	
31/07	PKT 06/07	31/07	K/c chi phí khác	811	14.945.700	
31/07	PKT 08/07	31/07	K/c thuế TNDN	8211	371.622.326	
31/07	PKT 09/07	31/07	K/c lợi nhuận sau thuế	4212	1.114.866.978	
			Cộng SPS		<b><u>19.056.135.217</u></b>	<b><u>19.056.135.217</u></b>
			Số dư cuối tháng			

Ngày 31 tháng 07 năm 2013

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)



**Biểu số 1.39: Trích sổ cái TK 821 Quý III năm 2013**

**CÔNG TY TNHH HẰNG GIANG**

Hợp Thành - Thủy Nguyên - HP

**Mẫu số S03b - DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

*(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)*

Quý III năm 2013

Tên tài khoản: Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp

Số hiệu: 821

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu quý			
			SPS trong quý		....	.....
05/07		05/07	Xác định tạm nộp thuế TNDN đầu quý	3334	60.000.000	
			....		....	....
31/07	PKT 08/07	31/07	Xác định thuế TNDN	421	371.622.326	
			.....		...	...
30/09	PKT	30/09	K/c thuế TNDN	911		505.394.129
			Cộng SPS		<b><u>505.394.129</u></b>	<b><u>505.394.129</u></b>
			Số dư cuối quý			

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 1.40: Trích Sổ cái TK 421 tháng 07/2013**

**CÔNG TY TNHH HÀNG GIANG**

Hợp Thành - Thủy Nguyên - HP

**Mẫu số S03b - DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

*(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)*

Tháng 07 năm 2013

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu tháng			
			SPS trong tháng			
			.....		....	.....
31/07	PKT 09/07	31/07	K/c lợi nhuận sau thuế	911		1.114.866.978
			Cộng SPS			<b><u>1.114.866.978</u></b>
			Số dư cuối tháng			

Ngày 31 tháng 07 năm 2013

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

### **Chương 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH HẰNG GIANG**

#### **3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hằng Giang.**

Công ty TNHH Hằng Giang là một doanh nghiệp tuy còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong công việc kinh doanh; nhưng trong những năm qua công ty đã từng bước ổn định, phát triển và đi lên, mở rộng kinh doanh, tạo uy tín với khách hàng, đóng góp một phần không nhỏ vào sự phát triển chung của nền kinh tế, tạo công ăn, việc làm cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

Qua thời gia thực tập và tìm hiểu ở công ty về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, cùng với sự chỉ bảo, hướng dẫn tận tình của các anh chị nhân viên trong công ty, đặc biệt là phòng kế toán - tài vụ đã tạo điều kiện cho em được thực tập, làm quen với thực tế, củng cố thêm kiến thức mà em có được từ ghế nhà trường. Qua đây, em cũng xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét, đóng góp về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Hằng Giang.

##### **3.1.1. Ưu điểm.**

###### **3.1.1.1. Về tổ chức kế toán.**

Công ty tổ chức kế toán theo mô hình tập trung phù hợp với quy mô kinh doanh, yêu cầu quản lý của công ty. Hình thức này gọn nhẹ, đảm bảo công tác kế toán được thực hiện một cách thống nhất, thuận tiện cho việc kiểm tra, giám sát của Ban giám đốc công ty. Việc tổ chức công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng được thực hiện theo một trình tự có tính thống nhất cao, việc tập hợp số liệu một cách chính xác. Qua đó, Ban giám đốc có thể nắm bắt kịp thời tình hình kinh doanh của công ty, từ đó đưa ra các quyết định, chiến lược kinh doanh phù hợp, đúng đắn trong các kỳ kinh doanh tiếp theo.

Đội ngũ kế toán có trình độ cao, có kinh nghiệm gồm một kế toán trưởng và một kế toán viên có thể hỗ trợ, giúp đỡ nhau tạo thành một khối thống nhất đảm bảo công tác kế toán được thực hiện nhịp nhàng và đạt hiệu quả cao.

### **3.1.1.2. Về hình thức kế toán.**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Hình thức này đơn giản về quy trình hạch toán và số lượng sổ sách, phù hợp với quy mô, đặc điểm hoạt động kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ quản lý của kế toán viên cũng như Ban giám đốc. Tất cả các nghiệp vụ phát sinh đều được ghi vào Sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Do đó, mọi thông tin kế toán đều được cập nhật thường xuyên và đầy đủ, dễ dàng theo dõi mọi hoạt động, kịp thời phát hiện và sửa chữa sai sót.

### **3.1.1.3. Về hệ thống sổ, chứng từ kế toán.**

Công ty áp dụng mẫu báo cáo kế toán do Bộ tài chính quy định theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành ngày 20/3/2006.

### **3.1.1.4. Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

**Về kế toán doanh thu:** Trong kỳ khi phát sinh các nghiệp vụ về bán hàng đều được kế toán ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu. Từ đó giúp cho kết quả kinh doanh được xác định một cách hợp lý, đúng thời điểm, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho Ban giám đốc.

**Về kế toán chi phí:** Mọi chi phí phát sinh trong kỳ kinh doanh đều được ghi nhận kịp thời, quản lý tốt đảm bảo tính hợp lý và cần thiết.

**Về xác định kết quả kinh doanh:** Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh ở công ty được thực hiện tương đối tốt, phần nào đáp ứng yêu cầu của nhà quản lý về việc cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác, đầy đủ về tình hình kinh doanh của công ty. Việc ghi chép dựa vào Chế độ kế toán và tình hình thực tế tại công ty.

### **3.1.2. Tồn tại cần khắc phục:**

Ngoài những ưu điểm kể trên, công tác kế toán tại công ty vẫn còn tồn tại một số hạn chế.

#### **3.1.2.1. Về việc hạch toán doanh thu**

Hiện tại Công ty không sử dụng tài khoản cấp 2 đối với TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Do đó việc hạch toán doanh thu chưa thật chi tiết và chưa phản ánh được doanh thu chủ yếu của Công ty là đóng mới tàu hay do sửa chữa tàu...Điều này sẽ làm cho Ban quản lý dễ bị nhầm lẫn, từ đó Ban giám đốc sẽ không đưa ra được nhiều định hướng và các biện pháp kinh tế đúng đắn nhằm cân đối giữa các mặt hàng do Công ty cung cấp, nhằm tối đa hoá lợi nhuận..

### **3.1.2.2. Về việc áp dụng chính sách ưu đãi.**

Hiện nay, Công ty chưa áp dụng các chính sách ưu đãi cho khách hàng. Việc không áp dụng các chính sách ưu đãi trong chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp phần nào làm giảm số lượng khách hàng đến với công ty, giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

### **3.1.2.3. Về việc tổ chức hệ thống sổ kế toán.**

Hiện tại, kế toán cũng chưa cập nhật mẫu sổ nhật ký chung mới mà vẫn dùng mẫu sổ cũ.

### **3.1.2.4. Về việc ứng dụng kỹ thuật vào công tác kế toán.**

Hiện nay, việc ghi chép kế toán ở Công ty còn thủ công nên vẫn tồn tại những hạn chế nhất định như mất thời gian, dễ gây nhầm lẫn, sai sót, không hiệu quả...chính vì thế mà Báo cáo tài chính của công ty đôi khi chậm trễ về thời gian, khi có sai sót thì khó phát hiện ra.

## **3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác chi phí kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hằng Giang.**

### **3.2.1. Tính cấp thiết của việc hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hằng Giang.**

Bộ phận kế toán là bộ phận quan trọng không thể thiếu trong bất cứ doanh nghiệp nào. Bộ phận này có nhiệm vụ thu thập, tổng hợp, xử lý và cung cấp thông tin hữu ích cho toàn doanh nghiệp. Do đó nó ngày càng phải được hoàn thiện để đáp ứng tốt với sự thay đổi của doanh nghiệp, chế độ kế toán để công tác kế toán luôn là người hỗ trợ đắc lực cho lãnh đạo công ty, cho các cơ quan quản lý Nhà nước. Vì thế, vấn đề tăng cường hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng luôn là vấn đề cấp thiết được đặt ra tại Công ty TNHH Hằng Giang. Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phần hành kế toán quan trọng nhất. Vì vậy, yêu cầu hạch toán đúng, đầy đủ theo đúng chế độ kế toán hiện

hành được đặt ra cao hơn so với các phần hành khác vì mỗi phần hành nhỏ trong quy trình hạch toán lại ảnh hưởng đến kết quả chung của toàn bộ doanh nghiệp. Hạch toán đúng phần hành này không những xác định đúng kết quả doanh nghiệp đã đạt được trong kỳ mà còn có tác dụng nâng cao hiệu quả lao động của các bộ phận trong công ty bởi thông tin kế toán là những thông tin tổng hợp, nó tác động đến tất cả các hoạt động của công ty.

### **3.2.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hàng Giang.**

Việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là cần thiết và tất yếu, nhưng để đảm bảo tính khoa học trong việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thì các biện pháp hoàn thiện phải có tính khả thi, phù hợp với chế độ kế toán hiện hành. Do đó, hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hàng Giang cần đảm bảo những nguyên tắc sau:

1. Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng các cơ chế tài chính, chế độ kế toán. Kế toán không chỉ là công cụ quản lý của doanh nghiệp mà nó còn là công cụ quản lý tài chính rất quan trọng của Nhà nước. Nhưng việc Nhà nước ban hành các cơ chế và quy định chỉ ở mức độ tổng hợp và mang tính hướng dẫn. Còn khi áp dụng vào các doanh nghiệp, bộ phận kế toán cần vận dụng một cách sáng tạo, linh hoạt, tránh máy móc nhưng vẫn tuân thủ tính trung thực và chính xác.

2. Hoàn thiện dựa trên nguyên tắc tiết kiệm tối đa chi phí, giảm nhẹ công tác kế toán mà vẫn đảm bảo được tính khoa học, hiệu quả của công tác kế toán nói chung.

3. Hoàn thiện dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bởi mỗi doanh nghiệp cho dù là hoạt động trong cùng lĩnh vực, ngành nghề đều có những đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh khác nhau. Do đó, việc vận dụng chế độ kế toán sao cho phù hợp với ngành nghề, trình độ sản xuất, điều kiện vật chất và quy mô của doanh nghiệp là rất cần thiết.

### **3.2.3. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hàng Giang.**

#### **❖ Kiến nghị 01: Về việc hạch toán doanh thu.**

Đối với TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”: Công ty nên mở 2 tiểu khoản cho tài khoản doanh thu:

+ TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm: Thành phẩm của Công ty là các con tàu đã được sửa chữa hoặc đóng mới hoàn thành, được tiến hành bàn giao cho các chủ tàu, cho các khách hàng đã đặt hàng theo đơn hàng

+ TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ: Dịch vụ của Công ty bao gồm các dịch vụ hàng hải như: kiểm tra, kiểm dịch, xếp dỡ, hạ thủy tàu....theo yêu cầu của khách hàng.

Tác dụng của việc mở các tiểu khoản cho TK 511:

+ Giúp phân biệt được từng loại doanh thu, điều này giúp các nhà quản lý đánh giá được hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ nào có hiệu quả, từ đó có các chính sách, biện pháp nên tăng doanh thu của hàng hoá, dịch vụ nào và nên giảm doanh thu của hàng hoá, dịch vụ nào. Từ đó các nhà lãnh đạo sẽ mở rộng đầu tư máy móc thiết bị phục vụ cho quá trình cung cấp hàng hoá, dịch vụ nhằm thu được hiệu quả kinh tế cao nhất.

+ Giúp cho nhà quản lý xây dựng kế hoạch doanh thu cho từng loại.

#### ❖ **Kiến nghị 02: Về việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán.**

Trong bối cảnh nền kinh tế hiện nay, việc tồn tại và phát triển là vấn đề sống còn của mỗi doanh nghiệp. Để làm được điều này, các doanh nghiệp cần cạnh tranh với nhau nhằm thu hút khách hàng. Việc công ty không áp dụng các chính sách ưu đãi trong bán hàng sẽ phần nào làm giảm lượng khách hàng đến với công ty, góp phần làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Vì vậy để tạo ra lợi thế cạnh tranh, có thể thu hút thêm các khách hàng mới, mở rộng thị trường tiêu thụ mà vẫn giữ được khách hàng cũ nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận; công ty nên áp dụng các chính sách ưu đãi phù hợp với tình hình hiện có của công ty.

Khi xây dựng tỷ lệ chiết khấu thanh toán, Công ty cần lưu ý một số điểm sau:

- Tỷ lệ CKTT không quá lớn làm ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của công ty và cũng không quá nhỏ khiến nó không phát huy tác dụng.

- Khi áp dụng một tỷ lệ chiết khấu nhất định sẽ làm ảnh hưởng đến tốc độ thu tiền đối với các khoản thu nhưng các khoản chiết khấu sẽ làm giảm lợi



nhuận. Công ty cần xem xét liệu chi phí đầu tư khoản phải thu có bù đắp được thiệt hại do giảm lợi nhuận hay không.

- Áp dụng chiết khấu thanh toán còn tùy thuộc vào chiết lược kinh doanh cũng như đường lối xây dựng quy mô công ty trong dài hạn của ban lãnh đạo. Tỷ lệ chiết khấu thanh toán có thể thay đổi trong ngắn hạn hoặc dài hạn tùy theo điều kiện thực tế và sự thay đổi trong quy mô công ty và hoạt động sản xuất kinh doanh tại từng thời điểm.

Dựa vào tình hình thực tế đó, theo em Công ty nên xây dựng một mức chiết khấu thanh toán hợp lý nhằm góp phần đẩy nhanh công tác thu hồi vốn. Mức chiết khấu thanh toán mỗi năm sẽ khác nhau, tùy thuộc vào giá trị các khoản nợ, thời gian trả nợ trước hạn và tỷ lệ lãi suất ngân hàng trong năm.

Để áp dụng chiết khấu thanh toán, trước hết công ty cần xây dựng cho chính sách chiết khấu phù hợp. Có thể đưa ra mức chiết khấu thanh toán dao động từ 0,5% đến 1,5% nếu khách hàng thanh toán trước từ 05 ngày đến 45 ngày so với thời gian thanh toán đã kí kết trong hợp đồng hợp đồng và tùy thuộc vào các khoản tiền sửa chữa tàu khách hàng thanh toán cho công ty từ 350.000.000 đồng trở lên.

Xác định mức chiết khấu thanh toán cho khách hàng dựa trên:

- Tỷ lệ lãi vay ngân hàng hiện nay.
- Thời gian thanh toán tiền sửa chữa tàu.
- Dựa vào mức chiết khấu thanh toán của doanh nghiệp cùng loại .
- Dựa vào hoạch định chính sách kinh doanh của doanh nghiệp.

Khoản chiết khấu này được hạch toán vào TK 635 – Chi phí tài chính.

- Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính

Có TK 111,112,131,...

- Cuối kỳ, kết chuyển CP tài chính sang TK911 để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635 – Chi phí tài chính

#### ❖ Kiến nghị 03: Về việc tổ chức hệ thống sổ kế toán.

Hiện tại, sổ Nhật ký chung mẫu mới hiện nay đã được bớt số cột đi, bằng cách gộp phần Nợ và Có trong phần Số hiệu tài khoản đối ứng thành một cột.



Việc vẫn sử dụng mẫu sổ theo mẫu cũ là kế toán đã làm không đúng theo chế độ

Mẫu sổ Nhật ký chung đúng theo chế độ:

**CÔNG TY TNHH HÀNG GIANG**

Hợp Thành - Thủy Nguyên - HP

**Mẫu số S03a - DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 07 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số tháng trước chuyển sang			
			.....		.....	.....
19/07	HĐ 0000394	19/07	Thu tiền sửa chữa tàu Hoàng Tuấn 25	131	50.000.000	
				112	280.000.000	
				511		300.000.000
				3331		30.000.000
			.....		.....	.....
19/07	GBN	19/07	NH Vietcombank thu lãi tiền vay	635	4.413.645	
				112		4.413.645
			....		.....	.....
23/07	GBC	23/07	NH Vietcombank trả lãi tiền gửi	112	1.332.591	
				515		1.332.591
25/07	PC551	25/07	Thanh toán tiền mua son	152	15.670.000	
				133	1.567.000	
				111		17.237.000
			.....		.....	.....
			Cộng SPS		<b><u>135.310.157.879</u></b>	<b><u>135.310.157.879</u></b>

Ngày 31 tháng 07 năm 2013

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

**❖ Kiến nghị 04: Về việc ứng dụng kỹ thuật vào công tác kế toán.**

Tại Công ty TNHH Hàng Giang, công tác kế toán được thực hiện thủ công. Mặc dù được trang bị đầy đủ máy tính, tuy nhiên máy tính dùng để soạn thảo, kẻ mẫu sổ sách và ứng dụng Excel để làm sổ. Do vậy, việc làm thủ công vẫn không tránh khỏi những sai sót khi xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Vì vậy công ty nên trang bị máy tính có cài chương trình phần mềm kế toán ứng dụng sao cho phù hợp với điều kiện thực tế của công ty.

Khi trang bị máy tính có cài phần mềm, đội ngũ kế toán được đào tạo bồi dưỡng để khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm.

Công ty có thể mua các phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

**1. Phần mềm kế toán IT-soft**

Với giao diện thân thiện IT-soft hỗ trợ tất cả các khâu trong công tác kế toán của doanh nghiệp bao gồm cập nhật chứng từ, công tác xử lý kế toán như kết chuyển cuối kỳ, phân bổ chi phí, tính giá thành sản phẩm, tự động lên các sổ sách và báo cáo tài chính, báo cáo quản trị.

Đặc biệt với thiết kế động cho phép người dùng chủ động lựa chọn các chức năng mà mình cần dùng, thêm bớt các thông tin cần hoặc thừa để tiện cho việc nhập liệu nhanh chóng, ít sai sót.

Hơn nữa! Đây cũng là phần mềm sử dụng bảng mã UNICODE, bảng mã chuẩn theo quy định bắt buộc của Chính Phủ.

Đặc điểm chung: Là phần mềm kế toán Việt Nam đầu tiên sử dụng Unicode - Bộ mã tiếng Việt tiêu chuẩn. Xây dựng trên công nghệ .NET tiên tiến, có khả năng tích hợp cao với các ứng dụng khác. Có nhiều phiên bản khác nhau phù hợp với các đơn vị có quy mô nhỏ (1 kế toán) đến những đơn vị có quy mô lớn, gồm đặc điểm như: giao diện động, tính mở của hệ thống, hệ thống báo cáo động, độ tin cậy và bảo mật cao, sử dụng đơn giản, nhiều công cụ hỗ trợ...

Mục tiêu của phần mềm đối với công ty:

- Tiết kiệm thời gian và nguồn nhân lực cho công tác kế toán
- Kiểm soát tốt tình hình kế toán tài chính của doanh nghiệp
- Giúp lãnh đạo doanh nghiệp đưa ra quyết định kịp thời và chính xác trong hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tạo sức cạnh tranh của doanh nghiệp.



*Giao diện của phần mềm kế toán IT-soft*

## 2. Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012

MISA SME.NET 2012 là phần mềm kế toán cho phép doanh nghiệp thực hiện các nghiệp vụ: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Thuế, Kho, TSCĐ, CCDC, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Cổ đông, Tổng hợp. Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục Thuế. Kết nối với dịch vụ kê khai thuế qua mạng MTAX.VN để nộp báo cáo trực tiếp đến cơ quan Thuế. Đặc biệt, MISA SME.NET 2012 cập nhật Thông tư 156/2013/TT-BTC quy định sửa đổi các biểu mẫu thuế GTGT, TNDN, TTĐB, Thuế tài nguyên...

- Dễ tiếp cận và cài đặt, dễ sử dụng.
- Quy trình hạch toán bằng hình ảnh thân thiện, dễ hiểu, dễ sử dụng với phim, sách hướng dẫn và trợ giúp trực tuyến.

- Công cụ quản trị tài chính hiệu quả. Kiểm soát chặt chẽ tình hình tài chính, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Cập nhật các chế độ kế toán tài chính mới nhất

- Luôn cập nhật các chế độ kế toán tài chính, các thông tư hướng dẫn thuế, bảo hiểm... mới nhất.



Giao diện phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012

### 3. Phần mềm kế toán Smart

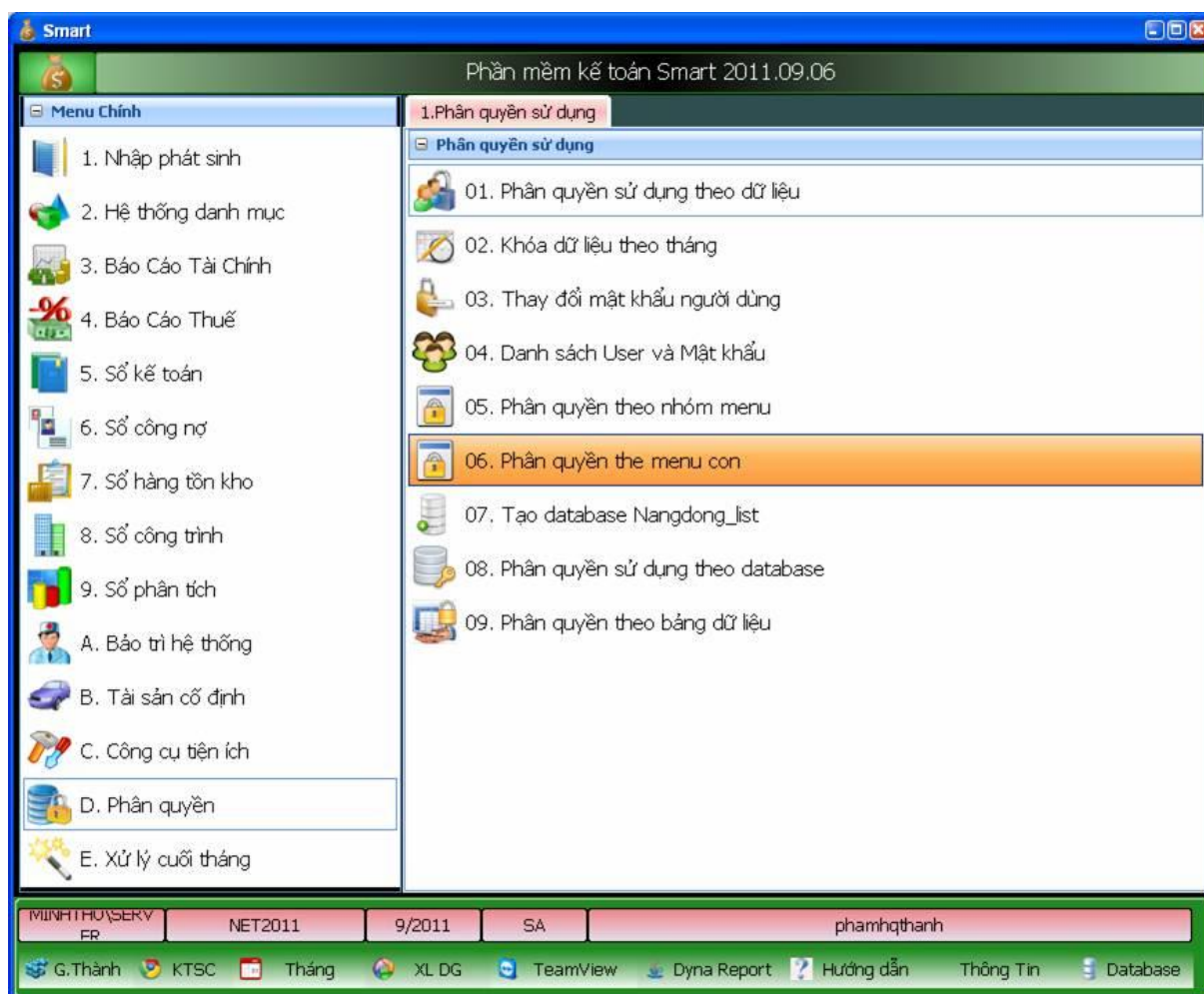
Phần mềm kế toán Smart phù hợp với các doanh nghiệp Xây Dựng, Sản Xuất, Thương Mại, Dịch Vụ, Xuất Nhập Khẩu,... Bên cạnh đó phần mềm kế toán SMART còn hỗ trợ đặc lực cho những cá nhân làm dịch vụ kế toán với tính năng sử dụng được nhiều công ty trên phần mềm kế toán SMART, mỗi công ty là 1 Database độc lập, số Database tạo không hạn chế.

Những ưu điểm phần mềm kế toán Smart Pro 2.5 Lập trình trên công nghệ mới nhất Microsoft.NET, cơ sở dữ liệu SQL server :

- Cài 1 máy làm được nhiều công ty. Số lượng công ty không giới hạn.
- Sao lưu dữ liệu tự động. Bạn không bao giờ sợ virus làm hư dữ liệu.



- Tính giá thành theo nhiều phương pháp như : Tính giá thành theo định mức, theo tỷ lệ, theo công trình, theo nhiều giai đoạn.
- Tất cả các báo cáo đều được xuất ra Excel đã được căn chỉnh tự động.
- Có chức năng Quản trị dữ liệu thông minh : Lọc dữ liệu, phân tích dữ liệu mở giống như Subtotal và PivotTable của Excel.
- Công nghệ DevExpress Report động cho phép khách hàng tự chỉnh mẫu hóa đơn và 1 số mẫu báo cáo khác.
- Đánh giá hàng tồn kho theo nhiều phương pháp. Như bình quân gia quyền theo tháng, Bình quân gia quyền theo thời điểm, nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước.
- Đã có hơn 4.000 khách hàng sử dụng. Vì vậy tính ổn định là rất cao.
- Dễ sử dụng và nhập dữ liệu cực nhanh do áp dụng công nghệ 1 màn hình nhập liệu mà không chia theo phân hệ như các phần mềm kế toán khác.
- Cập nhật dữ liệu trực tiếp vào phần mềm Hỗ Trợ Kế Khai.



*Giao diện phần mềm kế toán Smart*

Ngoài ra còn một số phần mềm khác như Phần mềm kế toán SAS INNOVA, phần mềm kế toán FAST BOOK, phần mềm kế toán MEGA DATA....

Khi ứng dụng được phần mềm này, việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính được nhanh chóng, chính xác, kịp thời. Cuối kỳ các bút toán kết chuyển nhập vào máy tính tự xử lý và hạch toán sổ kế toán. Căn cứ vào yêu cầu của chủ doanh nghiệp, giám đốc, kế toán trưởng, người sử dụng máy sẽ báo với máy những yêu cầu cần thiết (Sổ cái, báo cáo tài chính) máy sẽ tự xử lý và đưa ra thông tin yêu cầu.

Thêm vào đó là tiết kiệm được sức lao động mà hiệu quả công việc vẫn cao, các dữ liệu được lưu trữ và bảo quản cũng thuận lợi và an toàn hơn.

## **KẾT LUẬN**

Nền kinh tế Việt Nam đang trên đà phục hồi và tăng trưởng, tạo cơ hội to lớn để Công ty TNHH Hằng Giang nói riêng và các doanh nghiệp khác nói chung mở rộng quy mô kinh doanh cũng như phạm vi hoạt động kinh doanh. Sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp do đó ngày càng gay gắt hơn đòi hỏi Công ty phải nâng cao tính cạnh tranh về chất lượng hàng hoá, giá cả, ... Vì vậy, công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng của Công ty TNHH Hằng Giang đòi hỏi phải được tổ chức một cách hoàn thiện.

Qua quá trình thực tập tại Công ty TNHH Hằng Giang với những kiến thức có được từ ghế giảng đường, em đã chọn đề tài **“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Hằng Giang”** cho bài khoá luận tốt nghiệp của mình. Qua đây, em cũng xin đóng góp một vài ý kiến nhỏ bé về công tác kế toán cũng như công tác quản lý tại công ty. Tuy nhiên, do sự hiểu biết còn nằm trong khuôn khổ sách vở, thời gian nghiên cứu có hạn và lần đầu tiếp cận thực tế nên không tránh khỏi thiếu sót. Vì vậy, em mong nhận được sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của thầy cô, Ban giám đốc cùng cán bộ phòng kế toán của Công ty TNHH Hằng Giang để bài khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn ThS.Phạm Văn Tường và các thầy cô trong khoa Kế toán - Kiểm toán trường ĐH Dân Lập Hải Phòng, các anh chị trong phòng kế toán - tài vụ của Công ty TNHH Hằng Giang đã giúp em hoàn thành bài khoá luận tốt nghiệp này.

**Sinh viên**

**Bùi Thị Bích Nguyệt.**

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 1, quyển 2) ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính, Nhà xuất bản Tài chính năm 2006.
2. Hệ thống 26 chuẩn mực kế toán Việt Nam.
3. Khóa luận các khóa 13,12,11 tại thư viện trường và tại trang web: [tailieu.hpu.edu.vn](http://tailieu.hpu.edu.vn).
4. Các chứng từ, sổ sách kế toán năm 2013, đặc biệt là tháng 07 của công ty TNHH Hằng Giang.